

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2025/HS-ST
Ngày 18 tháng 6 năm 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Tấn Tài

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khỏe; ông Trần Minh Tâm và bà Nguyễn Thị Kim Cương.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên toà: bà Nguyễn Thị Kim Hương và ông Nguyễn Duy Thuận - Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 25/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 03 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 35/2025/QĐXXST-HS, ngày 29 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo:

Võ Thị Kiều O, sinh ngày 28 tháng 11 năm 1986, tại thị xã T, tỉnh An Giang; nơi đăng ký thường trú (chỗ ở): Tổ 6, ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng, đoàn: Không; con ông Võ Văn B và bà Phạm Thị T1; C là Trần Hữu H, có 02 người con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/12/2024 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam Công an tỉnh A (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng:

* Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo: Bà Bùi Thị N - Luật sư Công ty L22, thuộc Đoàn luật sư tỉnh A; địa chỉ: Số A L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (có mặt).

* Bị hại:

1. Bà Biện Thị D, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp N, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Bà Bùi Thị Bé B1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
3. Ông Bùi Văn G, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
4. Bà Châu Bích L, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
5. Bà Châu Tiết T2, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
6. Bà Châu Tiết T3, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
7. Bà Châu Thị T4, sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
8. Ông Châu Văn L1, sinh năm 1967; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
9. Bà Chu Thị Lê N1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
10. Bà Dương Thị D1, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
11. Bà Dương Thị K, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
12. Bà Dương Thị N2, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
13. Bà Đào Thị Bích N3, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp N, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
14. Bà Đào Ngọc Bích P, sinh năm 1967; nơi cư trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
15. Bà Đào Thị C1, sinh năm 1949; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
16. Bà Đào Thị Kim T5, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
17. Bà Đào Thị N4, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
18. Ông Đào Văn T6, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
19. Bà Đoàn Thị Kim C2, sinh năm 1998; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
20. Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

21. Bà Đỗ Thị Đ, sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
22. Bà Đỗ Thị K1, sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
23. Ông Đỗ Văn Á, sinh năm 1954; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
24. Ông Đỗ Văn T7, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
25. Bà Hồ Thị L2, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp N, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
26. Bà Hồ Thị Mỹ L3, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
27. Bà Hồ Thị T8, sinh năm 1955; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
28. Bà Hồ Thị T9, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
29. Bà Hồ Thị Vĩnh B2, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
30. Bà Huỳnh Thị H1, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp L, xã L, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
31. Bà Huỳnh Thị Mỹ L4, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
32. Bà Huỳnh Thị Mỹ L5, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
33. Bà Huỳnh Thị N5, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
34. Bà Huỳnh Thị Ngọc D2, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
35. Bà La Thị G1, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
36. Ông Lâm Văn P1, sinh năm 1956; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
37. Bà Lê Thị Huệ T10, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
38. Bà Lê Thị M1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
39. Bà Lê Thị Mỹ H2, sinh năm 1986, nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

40. Bà Lê Thị N6, sinh năm 1980, nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

41. Bà Lê Thị S, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

42. Bà Lê Thị T11, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp N, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

43. Ông Lê Văn Đ1, sinh năm 1967; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

44. Ông Lê Văn N7, sinh năm 1966; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

45. Bà Lương Thị K2, sinh năm 1956; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

46. Bà Lương Thị T12, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

47. Bà Ngô Thị T13, sinh năm 1956; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà T13: Ông Nguyễn Văn Cường E, sinh ngày 1910/1992; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (Theo Giấy ủy quyền ngày 06/6/2025) (có mặt).

48. Ông Nguyễn Hoàng T14, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

49. Bà Nguyễn Kim H3, sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

50. Ông Nguyễn Tấn B3, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

51. Ông Nguyễn Tiểu B4, sinh năm 1991; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

52. Bà Nguyễn Thanh T15, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

53. Bà Nguyễn Thị B5, sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

54. Bà Nguyễn Thị B6, sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

55. Bà Nguyễn Thị Bích D3, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

56. Bà Nguyễn Thị Bích T16, sinh năm 1988; nơi cư trú: V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

57. Bà Nguyễn Thị B7, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

58. Bà Nguyễn Thị C3, sinh năm 1943; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà C3: Bà Đoàn Thị M, sinh ngày 01/01/1963; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

59. Bà Nguyễn Thị D4, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

60. Bà Nguyễn Thị Diễm T17, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

61. Bà Nguyễn Thị D5, sinh năm 1989; nơi cư trú: V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

62. Bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1967; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

63. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

64. Bà Nguyễn Thị H5, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

65. Bà Nguyễn Thị Hồng P2, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

66. Bà Nguyễn Thị H6, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

67. Bà Nguyễn Thị Í, sinh năm 1950; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

68. Bà Nguyễn Thị L6, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

69. Bà Nguyễn Thị L7, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

70. Bà Nguyễn Thị L8, sinh năm 1993; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

71. Bà Nguyễn Thị M11, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

72. Bà Nguyễn Thị M2, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

73. Bà Nguyễn Thị M3, sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

74. Bà Nguyễn Thị Mỹ T18, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

75. Bà Nguyễn Thị N8, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

76. Bà Nguyễn Thị Ngọc T19, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
77. Bà Nguyễn Thị Ngọc T20, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
78. Bà Nguyễn Thị N9, sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
79. Bà Nguyễn Thị P3, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
80. Bà Nguyễn Thị P4, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
81. Bà Nguyễn Thị P2, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
82. Bà Nguyễn Thị P2, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
83. Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1958; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
84. Bà Nguyễn Thị S1, sinh năm 1968, nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
85. Bà Nguyễn Thị T21, sinh năm 1961; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
86. Bà Nguyễn Thị T22, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
87. Bà Nguyễn Thị Thanh T23, sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
88. Bà Nguyễn Thị T24, sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
89. Bà Nguyễn Thị T24, sinh năm 2000; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
90. Bà Nguyễn Thị T17, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
91. Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1985; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
92. Bà Nguyễn Thị T25, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
93. Bà Nguyễn Thị Trúc P5, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
94. Bà Nguyễn Thị Ú, sinh năm 1963, nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

95. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
96. Bà Nguyễn Thị V1, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
97. Bà Nguyễn Thúy K3, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
98. Ông Nguyễn Văn D6, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
99. Ông Nguyễn Văn Đ3, sinh năm 1958; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
100. Ông Nguyễn Văn G2, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
101. Ông Nguyễn Văn H7, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
102. Ông Nguyễn Văn H8, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
103. Ông Nguyễn Văn H9, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
104. Ông Nguyễn Văn M4, sinh năm 1979; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
105. Ông Nguyễn Văn P6, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
106. Ông Nguyễn Văn P7, sinh năm 1956; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
107. Bà Phạm Thị Ánh H10, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
108. Bà Phạm Thị Mỹ D7, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
109. Bà Phạm Thị N10, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
110. Bà Phạm Thị Q, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
111. Bà Phạm Thị T1, sinh năm 1968; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
112. Bà Phan Hồng N11, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
113. Bà Phan Thị Bé E1, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

114. Bà Phan Thị H11, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
115. Bà Phan Thị M5, sinh năm 1967; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
116. Bà Phan Thị Mỹ C4, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
117. Bà Phan Thị Ngọc H12, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp D, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
118. Bà Phan Thị P8, sinh năm 1949; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
119. Bà Phan Thị S2, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
120. Bà Phan Thị S3, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
121. Bà Phan Thị Thanh X, sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
122. Bà Phan Thị Thùy T26, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
123. Bà Phan Thị X1, sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
124. Bà Trần Kim P9, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
125. Bà Trần Ngọc A1, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
126. Bà Trần Ngọc M6, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
127. Bà Trần Thị H13, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
128. Bà Trần Thị H14, sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
129. Bà Trần Thị H15, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
130. Bà Trần Thị H16, sinh năm 1987; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
131. Bà Trần Thị L9, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).
132. Bà Trần Thị L18, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

133. Bà Trần Thị M7, sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

134. Bà Trần Thị Mỹ T27, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

135. Bà Trần Thị N12, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

136. Bà Trần Thị P10, sinh năm 1975; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

137. Bà Trần Thị Q1, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

138. Bà Trần Thị T28, sinh năm 1960; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

139. Ông Trần Văn K4, sinh năm 1956; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

140. Ông Trần Văn M8, sinh năm 1952; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

141. Bà Trịnh Thị N13, sinh năm 1950; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

142. Bà Trịnh Thu C5, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

143. Bà Trương Thị X2, sinh năm 1965; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

144. Ông Trương Văn Q2, sinh năm 1963; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

145. Bà Văn Thị Ngọc T29, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

146. Bà Võ Thị D8, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

147. Bà Võ Thị Đ4, sinh năm 1996; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

148. Bà Võ Thị H17, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

149. Bà Võ Thị Kim H18, sinh năm 1977; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

150. Bà Võ Thị M9, sinh năm 1969; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

151. Ông Võ Văn L10, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị Tuyết V2, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
2. Bà Đỗ Thị O1, sinh năm 1973; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
3. Bà Hoa Thị G3, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
4. Bà Huỳnh Thị Ngọc H19, sinh năm 1976; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
5. Bà Huỳnh Thị Thúy P11, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ C, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
6. Bà Lê Thị L11, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
7. Bà Nguyễn Thị B8, sinh năm 1950; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
8. Bà Nguyễn Thị D9, sinh năm 1982; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
9. Bà Nguyễn Thị Huệ E2, sinh năm 1959; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
10. Bà Nguyễn Thị L12, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
11. Bà Nguyễn Thị L13, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
12. Bà Nguyễn Thị L14, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
13. Bà Nguyễn Thị M10, sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
14. Bà Nguyễn Thị Ngọc L15, sinh năm 1989; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
15. Bà Nguyễn Thị Tuyết M11, sinh năm 1974; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
16. Bà Nguyễn Thị Thùy T30, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
17. Bà Nguyễn Thị Trà M12, sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
18. Bà Nguyễn Thu T31, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).
19. Ông Nguyễn Văn H20, sinh năm 1970; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

20. Bà Phạm Thị Đ5, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

21. Bà Phan Thị M13, sinh năm 1978; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

22. Bà Phan Thị T32, sinh năm 1984; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

23. Bà Trần Thị Còn L16, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

24. Bà Trần Thị H15, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

25. Bà Văn Thị Hồng T33, sinh năm 1988; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

26. Bà Võ Thị H17, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

27. Bà Võ Thị T34, sinh năm 1971; nơi cư trú: Ấp T, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

28. Ông Trần Hữu H, sinh năm 1981; nơi cư trú: Ấp H, xã T, thị xã T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2012 đến tháng 03/2022, bị cáo Võ Thị K5 Bị cáo O1 tổ chức góp hội cho nhiều người tại khu vực xã T, thị xã T tham gia. Hình thức góp hội theo định kỳ mỗi ngày, nửa tháng (15 ngày), 01 tháng (30 ngày) khai 01 lần, để hưởng tiền huê hồng 50% trên số tiền của mỗi lần mở hội. Thời gian từ năm 2012 đến tháng 01/2020, bị cáo Bị cáo O1 góp hội và giao tiền hốt hội cho hội viên đầy đủ, đúng thời gian quy định. Từ tháng 02/2020 đến tháng 03/2022, do bị nhiều người nợ tiền hội nhưng không trả và nhu cầu tiêu xài cá nhân dẫn đến bị cáo O1 không còn khả năng thanh toán tiền cho các hội viên, nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của các hội viên để tiếp tục duy trì các dây hội do bị cáo O1 làm chủ. Để thực hiện, bị cáo O1 mở 31 dây hội, cho nhiều người tham gia, tự thêm những tên không (không có người thật chơi hội) vào các dây hội do bị cáo O1 làm chủ. Đến kỳ khai hội, lợi dụng một số hội viên không đến bỏ thăm, bị cáo O1 đã tự ý lấy tên của những người này hoặc những tên không do bị cáo O1 tự đặt ra để hốt hội, rồi nói dối với các hội viên đã có người hốt hội để chiếm đoạt tiền của các hội viên.

Qua điều tra xác định, đến tháng 03/2022, bị cáo O1 đang làm chủ 31 dây hội, gồm: 19 dây hội tháng (30 ngày) từ 1.000.000 đồng/phần đến 5.000.000 đồng/phần; 03 dây hội nửa tháng (15 ngày) 500.000 đồng/phần, 08 dây hội tuần (07 ngày) 300.000 đồng/phần; 01 dây hội ngày 50.000 đồng/phần, cho 210 hội

viên tham gia thì tuyên bố vỡ hụi (ngưng hụi). Trong tổng số 31 dây hụi đang hoạt động, qua đối chiếu xác định được như sau:

Dây hụi 1: Hụi tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 20/01/2020 âm lịch (nhằm ngày 13/02/2020 dương lịch), tổng cộng 28 phần, bị cáo Bị cáo O1 tham gia 02 phần, ghi không 04 phần, hụi viên tham gia 22 phần, đã khai được 26 lần, còn 02 lần thì ngưng do vỡ hụi, trong đó:

Bị cáo Bị cáo O1 ghi tên không (T35, H8, Mỹ, T7) 04 phần, đã hốt 04 phần được 135.250.000 đồng; tự ý lấy hốt 10 phần hụi của hụi viên được 332.200.000 đồng; Hụi viên tham gia hốt 10 phần được 436.450.000 đồng; bị cáo Bị cáo O1 hốt 02 phần hụi tham gia được 68.200.000 đồng. Trong dây hụi này, về trách nhiệm hình sự bị cáo Bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hốt hụi không và tự ý lấy tên hụi viên hốt cho 12 phần tiền vốn thực châu của hụi viên chưa hốt là 229.200.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 12 phần tiền vốn thực châu cho hụi viên chưa hốt là 191.900.000 đồng; hụi viên đã hốt hụi phải trả lại cho bị cáo Bị cáo O1 71.00.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hụi viên chưa hốt hụi.

Dây hụi 2: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 10/02/2020 âm lịch (ngày 03/3/2020 dương lịch), tổng cộng 27 phần, bị cáo O1 tham gia 02 phần, ghi không 05 phần, hụi viên tham gia 20 phần, đã khai được 26 lần, còn 01 lần thì ngưng do vỡ hụi, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (N14, H8, Đ6, N14, Mỹ) 05 phần, đã hốt 05 phần được 81.040.000 đồng; tự ý lấy hốt 04 phần hụi của hụi viên được 63.600.000 đồng; Hụi viên tham gia hốt 15 phần được 308.830.000 đồng; bị cáo O1 hốt 02 phần hụi tham gia được 31.820.000 đồng. Trong dây hụi này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hốt hụi không và tự ý lấy tên hụi viên hốt cho 05 phần tiền vốn thực châu của hụi viên chưa hốt là 30.400.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 05 phần tiền vốn thực châu cho hụi viên chưa hốt là 55.750.000 đồng; hụi viên đã hốt hụi phải trả lại cho bị cáo O1 22.060.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hụi viên chưa hốt hụi.

Dây hụi 3: Hụi tháng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 10/3/2020 âm lịch (ngày 02/4/2020 dương lịch), tổng cộng 27 phần, bị cáo O1 tham gia 01 phần, ghi không 05 phần, hụi viên tham gia 21 phần, đã khai được 25 lần, còn 02 lần thì ngưng do vỡ hụi, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (H8, A H21, T35, Mỹ, T40) 05 phần, đã hót 05 phần được 76.830.000 đồng; tự ý lấy hót 07 phần hui của hui viên được 121.670.000 đồng; Hui viên tham gia hót 12 phần được 243.010.000 đồng; bị cáo O1 hót 01 phần hui tham gia được 17.150.000 đồng. Trong dây hui này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hui không và tự ý lấy tên hui viên hót cho 09 phần tiền vốn thực châu của hui viên chưa hót là 75.600.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 09 phần tiền vốn thực châu cho hui viên chưa hót là 78.020.000 đồng; hui viên đã hót hui phải trả lại cho bị cáo O1 20.820.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hui viên chưa hót hui.

Dây hui 4: Hui tháng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 30/4/2020 âm lịch (ngày 22/5/2020 dương lịch), tổng cộng 26 phần, bị cáo O1 tham gia 03 phần, ghi không 04 phần, hui viên tham gia 19 phần, đã khai được 22 lần, còn 04 lần thì ngưng do vỡ hui, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (T7, H8, T35, K6) 04 phần, đã hót 04 phần được 57.100.000 đồng; tự ý lấy hót 01 phần hui của hui viên được 17.500.000 đồng; Hui viên tham gia hót 15 phần được 294.080.000 đồng; bị cáo O1 hót 02 phần hui tham gia được 31.520.000 đồng. Trong dây hui này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hui không và tự ý lấy tên hui viên hót cho 04 phần tiền vốn thực châu của hui viên chưa hót là 14.000.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 04 phần tiền vốn thực châu cho hui viên chưa hót là 44.960.000 đồng; hui viên đã hót hui phải trả lại cho bị cáo O1 38.560.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hui viên chưa hót hui.

Dây hui 5: Hui tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 30/5/2020 âm lịch (ngày 19/7/2020 dương lịch), tổng cộng 26 phần, bị cáo O1 tham gia 01 phần, ghi không 05 phần, hui viên tham gia 20 phần, đã khai được 21 lần, còn 05 lần thì ngưng do vỡ hui, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (H8, Đ7, Mỹ, N14, A H21) 05 phần, đã hót 05 phần được 145.900.000 đồng; tự ý lấy hót 05 phần hui của hui viên được 162.900.000 đồng; Hui viên tham gia hót 10 phần được 366.000.000 đồng; bị cáo O1 hót 01 phần hui tham gia được 32.800.000 đồng. Trong dây hui này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hui không và tự ý lấy tên hui viên hót cho 10 phần tiền vốn thực châu của hui viên chưa hót là 132.500.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 10 phần tiền vốn thực châu cho hui viên chưa hót là 146.700.000 đồng; hui viên đã hót hui phải trả lại cho bị cáo O1 16.160.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hui viên chưa hót hui.

Dây hui 6: Hui nửa tháng 500.000 đồng, nửa tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 15/7/2020 âm lịch (ngày 02/9/2020 dương lịch), tổng cộng 40 phần, bị cáo O1 tham gia 03 phần, ghi không 06 phần, hui viên tham gia 31 phần, đã khai được 38 lần, còn 02 lần thì ngưng do vỡ hui, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (H22, H22, A1, A1, G3, T35) 06 phần, đã hót 06 phần được 68.800.000 đồng; tự ý lấy hót 10 phần hui của hui viên được

129.640.000 đồng; Hội viên tham gia hót 19 phần được 304.140.000 đồng; bị cáo O1 hót 03 phần hội viên tham gia được 37.220.000 đồng. Trong đây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội không và tự ý lấy tên hội viên hót cho 12 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 66.360.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 12 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hót là 86.380.000 đồng; hội viên đã hót hội phải trả lại cho bị cáo O1 27.980.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hót hội.

Dây hội 7: Hội tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 10/8/2020 âm lịch (ngày 26/9/2020 dương lịch), tổng cộng 28 phần, bị cáo O1 tham gia 02 phần, ghi không 05 phần, hội viên tham gia 21 phần, đã khai được 19 lần, còn 09 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (A1, T36, H22, H8, A H21) 05 phần, đã hót 05 phần được 154.700.000 đồng; tự ý lấy hót 04 phần hội của hội viên được 130.950.000 đồng; Hội viên tham gia hót 08 phần được 316.450.000 đồng; bị cáo O1 hót 02 phần hội viên tham gia được 64.500.000 đồng. Trong đây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội không và tự ý lấy tên hội viên hót cho 13 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 159.900.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 13 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hót là 174.750.000 đồng; hội viên đã hót hội phải trả lại cho bị cáo O1 104.150.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hót hội.

Dây hội 8: Hội tháng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 20/9/2020 âm lịch (ngày 05/11/2020 dương lịch), tổng cộng 30 phần, bị cáo O1 tham gia 01 phần, ghi không 05 phần, hội viên tham gia 24 phần, đã khai được 17 lần, còn 13 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (A1, H22, H8, Mỹ, T14) 05 phần, đã hót 05 phần được 84.000.000 đồng; tự ý lấy hót 06 phần hội của hội viên được 101.920.000 đồng; Hội viên tham gia hót 05 phần được 106.230.000 đồng; bị cáo O1 hót 01 phần hội viên tham gia được 16.300.000 đồng. Trong đây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội không và tự ý lấy tên hội viên hót cho 19 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 140.980.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 19 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hót là 71.940.000 đồng; hội viên đã hót hội phải trả lại cho bị cáo O1 51.720.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hót hội.

Dây hội 9: Hội tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 20/9/2020 âm lịch (ngày 05/11/2020 dương lịch), tổng cộng 25 phần, bị cáo O1 tham gia 02 phần, ghi không 06 phần, hội viên tham gia 17 phần, đã khai được 17 lần, còn 08 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (Mỹ, T7, H23, T35, A H21, Đ7) 06 phần, đã hót 06 phần được 145.050.000 đồng; tự ý lấy hót 06 phần hội của hội viên được 139.370.000 đồng; Hội viên tham gia hót 03 phần được 105.150.000 đồng; bị

cáo O1 hót 02 phần hội tham gia được 49.250.000 đồng. Trong đây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội không và tự ý lấy tên hội viên hót cho 14 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 220.920.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, Bị cáo O1 phải trả 14 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hót là 96.600.000 đồng; hội viên đã hót hội phải trả lại cho bị cáo O1 52.800.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hót hội.

Dây hội 10: Hội tháng 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 10/12/2020 âm lịch (ngày 22/01/2021 dương lịch), tổng cộng 15 phần, bị cáo O1 tham gia 01 phần, ghi không 03 phần, hội viên tham gia 11 phần, đã khai được 14 lần, còn 01 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (C N, A T37, A B9) 03 phần, đã hót 03 phần được 127.100.000 đồng; tự ý lấy hót 02 phần hội của hội viên được 99.000.000 đồng; Hội viên tham gia hót 08 phần được 427.300.000 đồng; bị cáo O1 hót 01 phần hội tham gia được 41.500.000 đồng. Trong đây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội không và tự ý lấy tên hội viên hót cho 03 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 54.600.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 03 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hót là 84.900.000 đồng; hội viên đã hót hội phải trả lại cho bị cáo O1 56.300.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hót hội.

Dây hội 11: Hội tháng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 15/12/2020 âm lịch (ngày 27/01/2021 dương lịch), tổng cộng 25 phần, bị cáo O1 tham gia 03 phần, ghi không 05 phần, hội viên tham gia 17 phần, đã khai được 14 lần, còn 11 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (Mỹ, T7, A1, A1, C N) 05 phần, đã hót 04 phần được 46.750.000 đồng; Hội viên tham gia hót 08 phần được 141.940.000 đồng; bị cáo O1 hót 02 phần hội tham gia được 23.210.000 đồng. Trong đây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội không và tự ý lấy tên hội viên hót cho 09 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 24.750.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 09 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hót là 55.620.000 đồng; hội viên đã hót hội phải trả lại cho bị cáo O1 67.860.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hót hội.

Dây hội 12: Hội tháng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 15/12/2020 âm lịch (ngày 27/01/2021 dương lịch), tổng cộng 25 phần, bị cáo O1 tham gia 01 phần, ghi không 09 phần, hội viên tham gia 15 phần, đã khai được 14 lần, còn 11 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (T7, A1, K6, Mỹ, H8, T7, B, C Thắm, Dì V2) 09 phần, đã hót 09 phần được 93.700.000 đồng; tự ý lấy hót 01 phần hội của hội viên được 10.320.000 đồng; Hội viên tham gia hót 03 phần được 51.200.000 đồng; bị cáo O1 hót 01 phần hội tham gia được 10.800.000 đồng. Trong đây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội không và tự ý lấy tên hội viên hót cho 12 phần tiền vốn thực châu của hội viên là

80.760.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, Bị cáo O1 phải trả 12 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hót là 28.620.000 đồng; hội viên đã hót hội phải trả lại cho bị cáo O1 19.970.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hót hội.

Dây hội 13: Hội tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 15/12/2020 âm lịch (ngày 27/01/2021 dương lịch), tổng cộng 26 phần, bị cáo O1 tham gia 02 phần, ghi không 06 phần, hội viên tham gia 18 phần, đã khai được 14 lần, còn 12 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (H, A1, Mỹ, M11, C T, H23) 06 phần, đã hót 06 phần được 150.700.000 đồng; tự ý lấy hót 06 phần hội của hội viên được 147.150.000 đồng; Hội viên tham gia hót 01 phần được 36.400.000 đồng; bị cáo O1 hót 01 phần hội tham gia được 25.800.000 đồng. Trong dây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội không và tự ý lấy tên hội viên hót cho 17 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 276.250.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 17 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hót là 47.600.000 đồng; hội viên đã hót hội phải trả lại cho bị cáo O1 20.800.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hót hội.

Dây hội 14: Hội tuần 300.000 đồng, mỗi tuần khai một lần, khai lần đầu vào ngày 26/02/2021 âm lịch (ngày 07/4/2021 dương lịch), tổng cộng 60 phần, bị cáo O1 tham gia 03 phần, ghi không 12 phần, hội viên tham gia 45 phần, đã khai được 51 lần, còn 09 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (A1, M11, Mỹ, A1, M11, Mỹ, T35, T35, T38, T38, T38, M11) 12 phần, đã hót 12 phần được 138.050.000 đồng; tự ý lấy hót 01 phần hội của hội viên được 11.610.000 đồng; Hội viên tham gia hót 35 phần được 503.020.000 đồng; bị cáo O1 hót 03 phần hội tham gia được 35.180.000 đồng. Trong dây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội không và tự ý lấy tên hội viên hót cho 10 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 29.200.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 10 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hót là 84.030.000 đồng; hội viên đã hót hội phải trả lại cho bị cáo O1 104.900.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hót hội.

Dây hội 15: Hội tuần 300.000 đồng, mỗi tuần khai một lần, khai lần đầu vào ngày 01/4/2021 âm lịch (ngày 12/5/2021 dương lịch), tổng cộng 60 phần, bị cáo O1 tham gia 02 phần, ghi không 18 phần, hội viên tham gia 40 phần, đã khai được 45 lần, còn 15 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (T35, T35, A1, A1, A1, N3, Mỹ L5, H8, H8, A T38, N15, N15, N3, C5, C5, Mỹ, Mỹ, A T38) 18 phần, đã hót 18 phần được 164.260.000 đồng; tự ý lấy hót 05 phần hội của hội viên được 52.160.000 đồng; Hội viên tham gia hót 20 phần được 279.940.000 đồng; bị cáo O1 hót 02 phần hội tham gia được 19.940.000 đồng. Trong dây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội không và tự ý lấy tên hội viên hót cho 20 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 101.800.000 đồng;

về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 20 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hết là 92.900.000 đồng; hội viên đã hết hội phải trả lại cho bị cáo O1 47.430.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hết hội.

Dây hội 16: Hội tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 25/4/2021 âm lịch (ngày 05/6/2021 dương lịch), tổng cộng 27 phần, Bị cáo O1 tham gia 01 phần, ghi không 04 phần, hội viên tham gia 22 phần, đã khai được 10 lần, còn 17 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (T7, N14, M) 04 phần, đã hết 04 phần được 119.900.000 đồng; tự ý lấy hết 01 phần hội của hội viên được 32.950.000 đồng; Hội viên tham gia hết 05 phần được 162.500.000 đồng. Trong dây hội này, về trách nhiệm hình sự Bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hết hội không và tự ý lấy tên hội viên hết cho 17 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hết là 109.650.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, Bị cáo O1 phải trả 17 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hết là 99.050.000 đồng; hội viên đã hết hội phải trả lại cho Bị cáo O1 113.750.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hết hội.

Dây hội 17: Hội tháng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 25/5/2021 âm lịch (ngày 04/7/2021 dương lịch), tổng cộng 25 phần, bị cáo O1 tham gia 05 phần, ghi không 09 phần, hội viên tham gia 11 phần, đã khai được 09 lần, còn 16 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (T35, Đ7, A1, H8, A T39, A T38, C T, C, A H21) 09 phần, đã hết 06 phần được 46.850.000 đồng; Hội viên tham gia hết 03 phần được 47.650.000 đồng. Trong dây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hết hội không và tự ý lấy tên hội viên hết cho 08 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hết là 30.500.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 08 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hết là 15.200.000 đồng; hội viên đã hết hội phải trả lại cho bị cáo O1 27.350.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hết hội.

Dây hội 18: Hội tuần 300.000 đồng, mỗi tuần khai một lần, khai lần đầu vào ngày 06/8/2021 âm lịch (nhằm ngày 12/9/2021 dương lịch), tổng cộng 60 phần (bị cáo O1 tham gia 03 phần, bị cáo O1 ghi không 13 phần, hội viên tham gia 44 phần), đã khai được 27 lần, còn 33 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (A1, A1, Mỹ, G3, Mỹ, H8, L8, L8, L8, H8, N5, Nga, G3) 13 phần, đã hết 09 phần được 92.490.000 đồng; hội viên tham gia hết 18 phần được 240.970.000 đồng. Trong dây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hết hội không và tự ý lấy tên hội viên hết cho 26 phần tiền vốn thực châu của hội viên là 51.220.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 26 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hết là 100.960.000 đồng; hội viên đã hết hội phải trả lại cho bị cáo O1 117.220.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hết hội.

Dây hội 19: Hội nửa tháng 500.000 đồng, nửa tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 15/8/2021 âm lịch (nhằm ngày 21/9/2021 dương lịch), tổng

cộng 40 phần (bị cáo O1 tham gia 02 phần, Bị cáo O1 ghi không 09 phần, hội viên tham gia 28 phần), đã khai được 12 lần, còn 28 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (H22, T35, Mỹ, H8, H22, K6, C Thu, S4, S4) 09 phần, đã hót 06 phần được 58.660.000 đồng; tự ý lấy hót 02 phần hội của hội viên được 19.640.000 đồng; hội viên tham gia hót 04 phần được 53.960.000 đồng. Trong đây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội không và tự ý lấy tên hội viên hót cho 25 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 64.500.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 25 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hót là 33.250.000 đồng; hội viên đã hót hội phải trả lại cho bị cáo O1 42.140.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hót hội.

Dây hội 20: Hội tuần 300.000 đồng, mỗi tuần khai một lần, khai lần đầu vào ngày 10/9/2021 âm lịch (nhằm ngày 15/10/2021 **dương lịch**), tổng cộng 60 phần (bị cáo O1 tham gia 08 phần, bị cáo O1 ghi không 10 phần, hội viên tham gia 42 phần), đã khai được 22 lần, còn 38 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (N14, Đ7, N15, N14, Út P12, H8, Đ7, Út P12, Mỹ, Mỹ) 10 phần, đã hót 08 phần được 72.360.000 đồng; hội viên tham gia hót 09 phần được 119.080.000 đồng; Bị cáo O1 hót 05 phần hội tham gia được 49.020.000 đồng. Trong đây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội không và tự ý lấy tên hội viên hót cho 33 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 55.440.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 33 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hót là 98.680.000 đồng; hội viên đã hót hội phải trả lại cho bị cáo O1 71.650.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hót hội

Dây hội 21: Hội tháng 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 05/10/2021 âm lịch (nhằm ngày 09/11/2021 **dương lịch**), tổng cộng 22 phần (bị cáo O1 tham gia 03 phần, Bị cáo O1 ghi không 06 phần, hội viên tham gia 13 phần), đã khai được 05 lần, còn 17 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (A1, H8, Mỹ, C C, N3, S4) 06 phần, đã hót 04 phần được 111.800.000 đồng; hội viên tham gia hót 01 phần được 29.250.000 đồng. Trong đây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội không và tự ý lấy tên hội viên hót cho 13 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 111.800.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 13 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hót là 29.250.000 đồng.

Dây hội 22: Hội tuần 300.000 đồng, mỗi tuần khai một lần, khai lần đầu vào ngày 25/10/2021 âm lịch (nhằm ngày 29/11/2021 **dương lịch**), tổng cộng 60 phần (bị cáo O1 tham gia 01 phần, Bị cáo O1 ghi không 11 phần, hội viên tham gia 48 phần), đã khai được 16 lần, còn 44 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (Gám, G4, G3, N16, H23, H23, H23, H8, H8,

T7, T7) 11 phần, đã hót 07 phần được 74.160.000 đồng; tự ý lấy hót 01 phần hui của hui viên được 10.260.000 đồng; hui viên tham gia hót 08 phần được 100.020.000 đồng. Trong dây hui này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hui không và tự ý lấy tên hui viên hót cho 40 phần tiền vốn thực châu của hui viên chưa hót là 67.200.000 đồng; về trách nhiệm dân sự, bị cáo O1 phải trả 40 phần tiền vốn thực châu cho hui viên chưa hót là 65.310.000 đồng, hui viên đã hót hui phải trả lại cho bị cáo O1 là 70.830.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hui viên chưa hót hui.

Dây hui 23: Hui tuần 300.000 đồng, mỗi tuần khai một lần, khai lần đầu vào ngày 04/11/2021 âm lịch (nhằm ngày 07/12/2021 dương lịch), tổng cộng 60 phần (bị cáo O1 tham gia 02 phần, bị cáo O1 ghi không 11 phần, hui viên tham gia 47 phần), đã khai được 15 lần, còn 45 lần thì ngưng do vỡ hui, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (Mỹ, Mỹ, H8, H8, T7, T7, N14, N14, N15, N15, N15) 11 phần, đã hót 10 phần được 100.320.000 đồng; hui viên tham gia hót 05 phần được 64.980.000 đồng. Trong dây hui này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hui không và tự ý lấy tên hui viên hót cho 42 phần tiền vốn thực châu của hui viên chưa hót là 88.200.000 đồng; về trách nhiệm dân sự bị cáo O1 phải trả 42 phần tiền vốn thực châu cho hui viên chưa hót là 44.100.000 đồng; hui viên đã hót hui phải trả lại cho bị cáo O1 47.760.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hui viên chưa hót hui.

Dây hui 24: Hui tuần 300.000 đồng, mỗi tuần khai một lần, khai lần đầu vào ngày 07/11/2021 âm lịch (nhằm ngày 10/12/2021 dương lịch), tổng cộng 60 phần (bị cáo O1 tham gia 02 phần, ghi không 09 phần, hui viên tham gia 49 phần), đã khai được 14 lần, còn 46 lần thì ngưng do vỡ hui, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (A1, A1, T14, T36, T36, Q3, Đ7, H8, H8,) 09 phần, đã hót 09 phần được 93.330.000 đồng; bị cáo O1 tự ý hót 02 phần hui của hui viên được 20.670.000 đồng; hui viên tham gia hót 03 phần được 38.940.000 đồng. Trong dây hui này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hui không và tự ý lấy tên hui viên hót cho 46 phần tiền vốn thực châu của hui viên chưa hót là 106.260.000 đồng; về trách nhiệm dân sự bị cáo O1 phải trả 46 phần tiền vốn thực châu cho hui viên chưa hót là 28.770.000 đồng; hui viên đã hót hui phải trả lại cho bị cáo O1 29.670.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hui viên chưa hót hui.

Dây hui 25: Hui tháng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 05/11/2021 âm lịch (nhằm ngày 08/12/2021 dương lịch), tổng cộng 27 phần (bị cáo O1 tham gia 01 phần, ghi không 07 phần, hui viên tham gia 19 phần), đã khai được 04 lần, còn 23 lần thì ngưng do vỡ hui, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên không (T7, 2 T, Đ7, Mỹ, G3, G3, H8) 07 phần, đã hót 03 phần được 39.600.000 đồng; hui viên tham gia hót 01 phần được 18.000.000 đồng. Trong dây hui này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hui không và tự ý lấy tên hui viên hót cho 18 phần tiền vốn thực châu của hui viên chưa hót là 36.900.000 đồng; về trách nhiệm dân sự bị cáo O1 phải trả 18 phần tiền vốn thực châu cho hui viên chưa hót là 12.600.000

đồng; hội viên đã hót hội phải trả lại cho bị cáo O1 15.300.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hót hội.

Dây hội 26: Hội tháng 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 15/11/2021 âm lịch (nhằm ngày 18/12/2021 dương lịch), tổng cộng 15 phần (bị cáo O1 tham gia 03 phần, Bị cáo O1 ghi khống 05 phần, hội viên tham gia 07 phần), đã khai được 03 lần, còn 12 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi khống tên (H8, C L8, N15, Mỹ, C M11) 05 phần, đã hót 03 phần được 72.800.000 đồng. Trong dây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội khống cho 07 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 72.800.000 đồng.

Dây hội 27: Hội tháng 2.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 20/11/2021 âm lịch (nhằm ngày 23/12/2021 dương lịch), tổng cộng 25 phần (bị cáo O1 tham gia 03 phần, bị cáo O1 ghi khống 05 phần, hội viên tham gia 17 phần), đã khai được 03 lần, còn 22 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên khống (H8, Mỹ, T7, T5, N15) 05 phần, đã hót 01 phần được 22.950.000 đồng; Bị cáo O1 hót 02 phần hội tham gia được 40.800.000 đồng. Trong dây hội này, về trách nhiệm hình sự Bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội khống cho 17 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 22.950.000 đồng; về trách nhiệm dân sự Bị cáo O1 phải trả 17 phần tiền vốn thực đóng cho hội viên chưa hót là 40.800.000 đồng.

Dây hội 28: Hội tháng 1.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 10/12/2021 âm lịch (nhằm ngày 12/01/2022 dương lịch), tổng cộng 25 phần (bị cáo O1 tham gia 03 phần, bị cáo O1 ghi khống 11 phần, hội viên tham gia 11 phần), đã khai được 03 lần, còn 22 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên khống (C P12, N14, N14, H8, Mỹ, Đ6, N15, N15, Tư T40, C, T19) 11 phần, đã hót 01 phần được 8.300.000 đồng; Hội viên tham gia hót 02 phần được 31.200.000 đồng. Trong dây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hót hội khống và tự ý lấy tên hội viên hót cho 09 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hót là 6.300.000 đồng, về trách nhiệm dân sự bị cáo O1 phải trả 09 phần tiền vốn thực đóng cho hội viên chưa hót là 12.600.000 đồng; hội viên đã hót hội phải trả lại cho bị cáo O1 29.200.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hót hội.

Dây hội 29: Hội tuần 300.000 đồng, mỗi tuần khai một lần, khai lần đầu vào ngày 10/01/2022 âm lịch (nhằm ngày 10/02/2022 dương lịch), tổng cộng 60 phần (bị cáo O1 tham gia 05 phần, bị cáo O1 ghi khống 10 phần, hội viên tham gia 45 phần), đã khai được 05 lần, còn 55 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Hội viên tham gia hót 05 phần được 59.040.000 đồng, sau khi khấu trừ tiền đóng hội sống, hội chết và bù lỗ lãi hội, bị cáo O1 không chiếm đoạt tiền hót hội. Về trách nhiệm dân sự bị cáo O1 phải trả 40 phần tiền vốn thực châu

cho hội viên chưa hốt là 42.000.000 đồng; hội viên đã hốt hội phải trả lại cho bị cáo O1 57.000.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hốt hội.

Dây hội 30: Hội nửa tháng 500.000 đồng, nửa tháng khai một lần, khai lần đầu vào ngày 15/01/2022 âm lịch (nhằm ngày 15/02/2022 dương lịch), tổng cộng 40 phần (bị cáo O1 tham gia 10 phần, bị cáo O1 ghi khống 08 phần, hội viên tham gia 22 phần), đã khai được 02 lần, còn 38 lần thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 ghi tên khống (A1, H22, H22, A1, G3, G3, H8, M13) 08 phần, đã hốt 01 phần được 7.220.000 đồng; Hội viên tham gia hốt 01 phần được 13.400.000 đồng, Trong dây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hốt hội khống và tự ý lấy tên hội viên hốt cho 21 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hốt là 6.720.000 đồng; về trách nhiệm dân sự bị cáo O1 phải trả 21 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hốt là 7.350.000 đồng; hội viên đã hốt hội phải trả lại cho bị cáo O1 12.900.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hốt hội.

Dây hội 31: Hội ngày 50.000 đồng, mỗi ngày khai một lần, khai lần đầu vào ngày 15/12/2021 âm lịch (nhằm ngày 17/01/2022 dương lịch), có 350 phần, mỗi ngày khai 05 phần, thời gian khai 70 ngày (bị cáo O1 tham gia 80 phần, hội viên tham gia 270 phần), đã khai được 60 lần (300 phần), còn 10 lần (50 phần) thì ngưng do vỡ hội, trong đó:

Bị cáo O1 tự ý hốt 60 phần hội của hội viên được 157.950.000 đồng; bị cáo O1 hốt 80 phần hội tham gia được 207.500.000 đồng; hội viên tham gia hốt 160 phần được 479.195.000 đồng, Trong dây hội này, về trách nhiệm hình sự bị cáo O1 phải trả số tiền chiếm đoạt do hốt hội khống và tự ý lấy tên hội viên hốt cho 110 phần tiền vốn thực châu của hội viên chưa hốt là 62.040.000 đồng; về trách nhiệm dân sự bị cáo O1 phải trả 110 phần tiền vốn thực châu cho hội viên chưa hốt là 238.335.000 đồng; hội viên đã hốt hội phải trả lại cho bị cáo O1 76.415.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hốt hội.

Như vậy, trong tổng số 31 dây hội đang hoạt động:

- Hội viên tham gia hốt 396 phần hội được 5.349.075.000 đồng, hội viên châu hội sống trước khi hốt 1.682.500.000 đồng, châu hội chết sau khi hốt 2.239.450.000 đồng, hội viên phải trả lại cho bị cáo O1 1.433.695.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả cho hội viên chưa hốt.

- Bị cáo O1 tham gia và đã hốt 114 phần được 831.760.000 đồng, châu hội sống trước khi hốt 228.850.000 đồng, châu hội chết sau khi hốt 168.700.000 đồng, bị cáo O1 phải có nghĩa vụ trả lại cho hội viên số tiền 440.610.000 đồng.

- Bị cáo O1 ghi tên khống 226 phần hội, hốt 169 phần được 2.589.970.000 đồng, châu hội sống trước khi hốt 251.810.000 đồng, châu hội chết sau khi hốt 824.100.000 đồng, còn lại 1.514.060.000 đồng. Trong số 169 phần hội khống đã hốt, bị cáo O1 chiếm đoạt tiền vốn thực châu của 163 hội viên với tổng số tiền 1.640.490.000 đồng.

- Bị cáo O1 tự ý lấy hốt 134 phần hội của hội viên được 1.761.460.000 đồng, châu tiền lãi hội 75.760.000 đồng, còn lại 1.685.700.000 đồng. Trong số 134 phần hội lấy hốt, bị cáo O1 chiếm đoạt tổng số tiền vốn thực châu của 163 hội viên là 889.210.000 đồng.

- Về trách nhiệm hình sự, bị cáo O1 chiếm đoạt tiền vốn thực châu từ việc ghi tên không để hốt hội với số tiền 1.640.490.000 đồng và chiếm đoạt tiền vốn thực châu từ việc tự ý lấy phần hội của hội viên để hốt là 889.210.000 đồng, tổng cộng bị cáo O1 đã chiếm đoạt 2.529.700.000 đồng. Trong đó, Cơ quan điều tra đã làm việc được với 151 hội viên với tổng số tiền chiếm đoạt là 2.479.350.000 đồng.

- Về trách nhiệm dân sự, Bị cáo O1 còn phải trả lại cho hội viên 2.171.545.000 đồng (khấu trừ 37.380.000 đồng của hội viên chưa làm việc được), trong đó hội viên đã hốt phải trả lại cho bị cáo O1 1.433.695.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả lại cho các hội viên chưa hốt.

Lời khai của các bị hại: Có tham gia chơi hội do bị cáo Võ Thị Kiều O làm chủ hội từ tháng 02/2020 đến tháng 3/2022. Tính đến thời điểm bị cáo O tuyên bố vỡ hội, bị cáo O còn nợ của 151 người bị hại, gồm:

1. Biện Thị D (tên trong sổ hội “C Diễm”), tham gia các dây hội 19, 23 đã đóng hội tổng cộng **7.060.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 4.680.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.380.000 đồng. Sau khi đối chiếu, D không yêu cầu bị cáo O trả lại tiền, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo O.

2. Bùi Thị Bé B1 (tên trong sổ hội “6 Phước”) tham gia các dây hội 01, 18, 20, đã đóng hội tổng cộng **21.120.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 7.300.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 13.820.000 đồng. Sau khi đối chiếu, Bé B1 yêu cầu bị cáo O trả tiền vốn và tiền bị cáo O còn nợ tiền mua hội tổng cộng là 48.220.000 đồng.

3. Bùi Văn G (tên trong sổ hội “Út Dã”) tham gia các dây hội 01, 09, 13, đã đóng hội tổng cộng **41.730.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 32.030.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 9.700.000 đồng. Sau khi đối chiếu, G yêu cầu bị cáo O trả lại số tiền vốn 41.730.000 đồng.

4. Châu Bích L (tên trong sổ hội “C Bích Lệ”) tham gia các dây hội 03, 05, 06, đã đóng hội tổng cộng **71.190.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 32.710.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 38.480.000 đồng. Sau khi đối chiếu, L yêu cầu bị cáo O trả tiền vốn 71.190.000 đồng.

5. Châu Tiết T2 (tên trong sổ hội “C Thu”, “Ngân”) tham gia các dây hội 03, 19 đã đóng hội tổng cộng **7.820.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 5.160.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.660.000 đồng. Sau khi đối chiếu, T2 không yêu cầu bị cáo O trả lại tiền, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo O.

6. Châu Tiêt T3 (tên trong sổ hội “C Thu”) tham gia các dây hội 05, 31, đã đóng hội tổng cộng **28.030.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 13.250.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 14.780.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết và tiền hội viên Võ Thị H17 còn thiếu, T3 yêu cầu bị cáo O trả số tiền 24.855.000 đồng.

7. Châu Thị T4 (tên trong sổ hội “C 2 Vui”, “2 Vui”) tham gia các dây hội 14, 23, đã đóng hội tổng cộng **14.540.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 5.020.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 9.520.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị cáo O khắc phục cho Tương 600.000 đồng, T4 yêu cầu bị cáo O trả lại số tiền 13.960.000 đồng.

8. Châu Văn L1 (tên trong sổ hội “Xuyên”) tham gia các dây hội 23, 24, đã đóng hội tổng cộng **6.090.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 4.410.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 1.680.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị cáo O khắc phục cho Lầy 2.000.000 đồng. Lầy yêu cầu bị cáo O trả lại số tiền 4.090.000 đồng.

9. Chu Thị Lê N1 (tên trong sổ hội “C Cường”) tham gia các dây hội 13, 14, 16, 17, 22, 23 đã đóng hội tổng cộng **55.200.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 33.350.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 21.850.000 đồng. Sau khi đối chiếu, N1 yêu cầu bị cáo O trả lại số tiền 55.200.000 đồng.

10. Dương Thị D1 (tên trong sổ hội “C Vĩa”) tham gia các dây hội 11, 14, 21, 31, đã đóng hội tổng cộng **10.850.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 8.600.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.250.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống và hội chết, D1 không yêu cầu bị cáo O trả lại tiền, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo O.

11. Dương Thị K (tên trong sổ hội “C Khéo”, “Khéo”) tham gia các dây hội 07, 22, 24, đã đóng hội tổng cộng **32.150.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 16.290.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 15.860.000 đồng. Sau khi ngưng hội, bị cáo O có khắc phục số tiền 3.100.000 đồng. Khéo yêu cầu bị cáo O trả lại số tiền vốn 29.050.000 đồng.

12. Dương Thị N2 (tên trong sổ hội “Út Nẫu”, “Nẫu”) tham gia các dây hội 04, 24, đã đóng hội tổng cộng **2.940.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.310.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 630.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, N2 và bị cáo O không còn nợ nhau.

13. Đào Thị Bích N3 (tên trong sổ hội “Gắm”) tham gia các dây hội 19, 29, 31, đã đóng hội tổng cộng **8.870.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 5.160.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 3.710.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết và tiền hội viên Phan Thị Mỹ C4 còn thiếu, bị cáo O còn thiếu N3 2.255.000 đồng, N3 không yêu cầu nhận lại.

14. Đào Ngọc Bích P (tên trong sổ hội “C Út Phượng”) tham gia các dây hội 07, đã đóng hội tổng cộng **25.850.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 12.300.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 13.550.000 đồng. Sau khi đối chiếu, P yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 25.850.000 đồng.

15. Đào Thị C1 (tên trong sổ hội “C 5”, “Cô 5”) tham gia các dây hội 08, 09, 20, 21, đã đóng hội tổng cộng **58.880.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 36.840.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 22.040.000 đồng. Sau khi đối chiếu, C1 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 58.880.000 đồng.

16. Đào Thị Kim T5 (tên trong sổ hội “Tiếng”, “Tiền”, “Tuyền”, “C N5”, “C Hạp”) tham gia các dây hội 08, 10, 15, 22, 23, 31 đã đóng hội tổng cộng **115.230.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 60.770.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 54.460.000 đồng. Sau khi ngưng hội, bị cáo O có khắc phục số tiền 30.000.000 đồng. Qua đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống và hội chết, T5 yêu cầu bị cáo O trả lại số tiền 53.785.000 đồng.

17. Đào Thị N4 (tên trong sổ hội “Bác 3 Chia”) tham gia các dây hội 03, 07, đã đóng hội tổng cộng **43.150.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 20.700.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 22.450.000 đồng. Sau khi đối chiếu, N4 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 43.150.000 đồng.

18. Đào Văn T6 (tên trong sổ hội “Tâm”) tham gia các dây hội 03, 06, 08, 31, đã đóng hội tổng cộng **11.280.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 7.420.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 3.860.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, T6 yêu cầu bị cáo O trả số tiền 8.140.000 đồng.

19. Đoàn Thị Kim C2 (tên trong sổ hội “C Thủy”) tham gia các dây hội 22, 25, đã đóng hội tổng cộng **2.750.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.050.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 700.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, C2 còn nợ bị cáo O 7.170.000 đồng. Bị cáo O và C2 thống nhất khấu trừ số tiền này vào tiền đóng hội của Lương Thị T12.

20. Đoàn Thị M (tên trong sổ hội “C Thủy”) tham gia các dây hội 03, 29, đã đóng hội tổng cộng **35.650.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 16.800.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 18.850.000 đồng. Sau khi đối chiếu, M yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 35.650.000 đồng.

21. Đỗ Thị Đ (tên trong sổ hội “Bác 2”, “Tuyền”) tham gia các dây hội 09, 13, đã đóng hội tổng cộng **83.460.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 64.060.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 19.400.000 đồng. Sau khi đối chiếu, Đ yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 83.460.000 đồng.

22. Đỗ Thị K1 (tên trong sổ hội “Bác 2”) tham gia dây hội 08, đã đóng hội tổng cộng **11.280.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 7.420.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 3.860.000 đồng. Sau khi đối chiếu,

K1 không yêu cầu bị cáo O hoàn trả tiền, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo O.

23. Đỗ Văn Á (tên trong sổ hội “Út Diệp”) tham gia các dây hội 01, 18, đã đóng hội tổng cộng **64.650.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 28.950.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 35.700.000 đồng. Sau khi đối chiếu, Á yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 64.650.000 đồng.

24. Đỗ Văn T7 (tên trong sổ hội “Út Tâm”, “Bà T21”) tham gia các dây hội 18, 24, đã đóng hội tổng cộng **11.530.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 6.590.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 4.940.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, T7 yêu cầu bị cáo O trả số tiền 3.640.000 đồng.

25. Hồ Thị L2 (tên trong sổ hội “C Loan”) tham gia các dây hội 10, 17, 19, 22 đã đóng hội tổng cộng **40.070.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 25.840.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 14.230.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, L2 yêu cầu bị cáo O trả số tiền 1.550.000 đồng.

26. Hồ Thị Mỹ L3 (tên trong sổ hội “Mỹ Linh”) tham gia các dây hội 29, 31, đã đóng hội tổng cộng **15.810.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.820.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 12.990.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, L3 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 15.810.000 đồng.

27. Hồ Thị T8 (tên trong sổ hội “A Được”, “Bà 7”, “A Lý”) tham gia các dây hội 12, 15, 28 đã đóng hội tổng cộng **11.430.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 7.430.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 4.000.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị cáo O có trả cho T8 2.600.000 đồng. Qua đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, T8 yêu cầu bị cáo O trả số tiền 4.460.000 đồng.

28. Hồ Thị T9 (tên trong sổ hội “C Tiết”) tham gia các dây hội 02, 18, 28, 29, đã đóng hội tổng cộng **27.330.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 8.750.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 18.580.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, T9 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 19.340.000 đồng.

29. Hồ Thị Vĩnh B2 (tên trong sổ hội “Dì Tư Nghè”) tham gia các dây hội 14, đã đóng hội tổng cộng **11.390.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.920.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 8.470.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị cáo O có trả cho B2 1.380.000 đồng. Qua đối chiếu, B2 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 10.010.000 đồng.

30. Huỳnh Thị H1 (tên trong sổ hội “Cô 2 T”, “2 Thu”) tham gia các dây hội 07, 08, 12, 16, 21, 27, đã đóng hội tổng cộng **96.420.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 58.350.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 38.070.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, H1 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 90.420.000 đồng.

31. Huỳnh Thị Mỹ L4 (tên trong sổ hội “C Lệ”, “C Bích Lệ”) tham gia các dây hội 02, 9, 12, 13, 21, đã đóng hội tổng cộng **88.960.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 62.040.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 26.920.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, L4 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 74.060.000 đồng.

32. Huỳnh Thị Mỹ L5 (tên trong sổ hội “C L5”, “C Thuận”) tham gia các dây hội 15, 29, 31, đã đóng hội tổng cộng **12.110.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 5.090.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 7.020.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, L5 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 11.634.000 đồng.

33. Huỳnh Thị N5 (tên trong sổ hội “C Nga”) tham gia các dây hội 01, đã đóng hội tổng cộng **35.300.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 19.100.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 16.200.000 đồng. Sau khi đối chiếu, N5 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 35.300.000 đồng.

34. Huỳnh Thị Ngọc D2 (tên trong sổ hội “C Diễm”) tham gia các dây hội 22, 23, 31, đã đóng hội tổng cộng **3.150.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.100.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 1.050.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, D2 còn nợ lại bị cáo O 6.080.000 đồng, số tiền này D2 và bị cáo O thống nhất khấu trừ vào tiền hội của hội viên Lương Thị T12.

35. La Thị G1 (tên trong sổ hội “5 Thanh”) tham gia các dây hội 18, 23, đã đóng hội tổng cộng **9.020.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 4.070.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 4.950.000 đồng. Sau khi đối chiếu, G1 không yêu cầu bị cáo O trả tiền, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo O.

36. Lâm Văn P1 (tên trong sổ hội “5 Phước”) tham gia các dây hội 03, đã đóng hội tổng cộng **15.870.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 8.400.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 7.470.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, P1 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 9.120.000 đồng.

37. Lê Thị Huệ T10 (tên trong sổ hội “C Thanh”) tham gia các dây hội 20, 31, đã đóng hội tổng cộng **4.690.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 1.680.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 3.010.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, T10 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 3.980.000 đồng.

38. Lê Thị M1 (tên trong sổ hội “Mường”) tham gia các dây hội 23, 31 đã đóng hội tổng cộng **3.150.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.100.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 1.050.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, M1 còn thiếu bị cáo O 2.970.000 đồng.

39. Lê Thị Mỹ H2 (tên trong sổ hội “Mỹ Hoa”) tham gia các dây hội 22, đã đóng hội tổng cộng **6.720.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội

không, lấy hốt 3.360.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 3.360.000 đồng. Sau khi đối chiếu, H2 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 6.720.000 đồng.

40. Lê Thị N6 (tên trong sổ hội “C Đức”) tham gia các dây hội 05, 13, 22 đã đóng hội tổng cộng **53.800.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 32.860.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 20.940.000 đồng. Sau khi đối chiếu, N6 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 53.800.000 đồng.

41. Lê Thị S (tên trong sổ hội “C Cống”, “C Sóng”) tham gia các dây hội 14, 19, đã đóng hội tổng cộng **3.910.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.580.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 1.330.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, Sóng còn thiếu bị cáo O 7.010.000 đồng.

42. Lê Thị T11 (tên trong sổ hội “C Thăm”, “A Chợ”) tham gia các dây hội 04, 05, 14, 17 đã đóng hội tổng cộng **5.850.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 3.950.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 1.900.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, T11 không yêu cầu đòi lại tiền, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo O.

43. Lê Văn Đ1 (tên trong sổ hội “Út Đành”) tham gia các dây hội 31, đã đóng hội tổng cộng **27.420.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 5.640.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 21.780.000 đồng. Sau khi đối chiếu, Đ1 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 27.420.000 đồng.

44. Lê Văn N7 (tên trong sổ hội “5 Nhiều”, “Thu”) tham gia các dây hội 5, 8, đã đóng hội tổng cộng **50.590.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 28.090.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 22.500.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị cáo O trả cho Nhiều 2.350.000 đồng. Sau khi đối chiếu, N7 yêu cầu Bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 48.240.000 đồng.

45. Lương Thị K2 (tên trong sổ hội “Bác 4”) tham gia các dây hội 08, đã đóng hội tổng cộng **11.280.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 7.420.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 3.860.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị cáo O trả cho K2 1.050.000 đồng. Qua đối chiếu, K2 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 10.230.000 đồng.

46. Lương Thị T12 (tên trong sổ hội “C Thí”, “C Thúy”) tham gia các dây hội 6, 14, 18, 19, 22, 29, 30, đã đóng hội tổng cộng **105.780.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 35.640.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 70.140.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, khấu trừ tiền của các hội viên Nguyễn Thị Huệ E2, Đoàn Thị Kim C2, Huỳnh Thị Ngọc D2, T12 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 85.810.000 đồng.

47. Ngô Thị T13 (tên trong sổ hội “Út Khôi”, “Bà Ú”, “Út Tiên”, “A Nhiễm”) tham gia các dây hội 5, 8, 9, 16, 18, 25, 28 đã đóng hội tổng cộng **121.820.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 72.870.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 48.950.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị

cáo O trả cho T13 12.000.000 đồng. Qua đối chiếu, T13 yêu cầu Bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 109.820.000 đồng.

48. Nguyễn Hoàng T14 (tên trong sổ hội “A T41”) tham gia các dây hội 7, 16, đã đóng hội tổng cộng **38.250.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 18.750.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 19.500.000 đồng. Sau khi đối chiếu, T41 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 38.250.000 đồng.

49. Nguyễn Kim H3 (tên trong sổ hội “Pha”, “Cô 3 Pha”) tham gia các dây hội 01, 02, 04, 07, 11, 13, 14, 18, 21, 20, 22, 23, 24, 25, 27, 28, 30, đã đóng hội tổng cộng **129.730.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 77.890.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 51.840.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, H3 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 53.080.000 đồng.

50. Nguyễn Tấn B3 (tên trong sổ hội “Hưng”) tham gia các dây hội 19, đã đóng hội tổng cộng **3.910.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.580.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 1.330.000 đồng. Sau khi đối chiếu, B3 không yêu cầu bị cáo O trả lại tiền, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo O.

51. Nguyễn Tiểu B4 (tên trong sổ hội “Ngọc”) tham gia các dây hội 14, 17, đã đóng hội tổng cộng **5.850.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 3.950.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 1.900.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, B4 không yêu cầu bị cáo O trả lại tiền, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo O.

52. Nguyễn Thanh T15 (tên trong sổ hội “C Cứng”) tham gia các dây hội 01, 10, 21, 27, đã đóng hội tổng cộng **96.400.000 đồng**, trong đó bị Bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 47.250.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 49.150.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội viên Trần Thị H15 còn thiếu, T15 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 88.640.000 đồng.

53. Nguyễn Thị B5 (tên trong sổ hội “4 Lầy”) tham gia các dây hội số 04, đã đóng hội tổng cộng **14.290.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 3.500.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 10.790.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, B5 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 8.530.000 đồng.

54. Nguyễn Thị B6 (tên trong sổ hội “Bác 3 Ghe”) tham gia các dây hội 5, 6, 30 đã đóng hội tổng cộng **29.370.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 13.890.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 15.480.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, B6 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 29.370.000 đồng.

55. Nguyễn Thị Bích D3 (tên trong sổ hội “Duyên”) tham gia các dây hội 2, 25 đã đóng hội tổng cộng **2.750.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.050.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 700.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, D3 còn thiếu bị cáo O

3.710.000 đồng. Bị cáo O và D3 thống nhất khấu trừ số tiền này vào tiền của hội viên Võ Thị M14.

56. Nguyễn Thị Bích T16 (tên trong sổ hội “Bích Thi”, “Pha”) tham gia các dây hội 13, 19, 22, 31 đã đóng hội tổng cộng **26.320.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 20.510.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 5.810.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị cáo O trả Thi 3.580.000 đồng. Qua đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, khấu trừ tiền hội viên Võ Thị Kim H18 còn thiếu chủ hội, T16 không yêu cầu bị cáo O hoàn trả tiền, không yêu cầu xử lý hình sự đối với Bị cáo O.

57. Nguyễn Thị B7 (tên trong sổ hội “A Vũ”) tham gia các dây hội số 12 đã đóng hội tổng cộng **9.330.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 6.730.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.600.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị cáo O trả B7 3.000.000 đồng. Qua đối chiếu, B7 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 6.330.000 đồng.

58. Nguyễn Thị C3 (tên trong sổ hội “Bà 2”) tham gia các dây hội 20, 28, 29 đã đóng hội tổng cộng **12.530.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 4.060.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 8.470.000 đồng. Sau khi đối chiếu, C3 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 12.530.000 đồng.

59. Nguyễn Thị D4 (tên trong sổ hội “C Diễm”) tham gia các dây hội 15, đã đóng hội tổng cộng **20.020.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 10.180.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 9.840.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, khấu trừ tiền hội viên Huỳnh Thị Ngọc H19 thiếu chủ hội, D4 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 3.220.000 đồng.

60. Nguyễn Thị Diễm T17 (tên trong sổ hội “Dì 2”) tham gia các dây hội 24, 29, đã đóng hội tổng cộng **5.040.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.310.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.730.000 đồng. Sau khi đối chiếu, T17 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 5.040.000 đồng.

61. Nguyễn Thị D5 (tên trong sổ hội “Dụi”, “Diệu”) tham gia các dây hội 7, 20 đã đóng hội tổng cộng **28.920.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 13.980.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 14.940.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, D5 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 8.140.000 đồng.

62. Nguyễn Thị Đ2 (tên trong sổ hội “Bác Ú”) tham gia các dây hội 3, 14, 20, 30 đã đóng hội tổng cộng **39.410.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 15.320.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 24.090.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị cáo O trả Đình 2.700.000 đồng. Qua đối chiếu, Đ2 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 36.710.000 đồng.

63. Nguyễn Thị H4 (tên trong sổ hội “6 Vân”) tham gia các dây hội 12, 31 đã đóng hội tổng cộng **9.330.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 6.730.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.600.000 đồng. Sau

khi vỡ hụi, bị cáo O có trả Hạnh 1.000.000 đồng. Qua đối chiếu, khấu trừ tiền hụi sống, hụi chết, H4 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 7.715.000 đồng.

64. Nguyễn Thị H5 (tên trong sổ hụi “C Quyền”) tham gia các dây hụi 20, 22, 24, 30, 31, đã đóng hụi tổng cộng **82.645.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 32.410.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 50.235.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hụi sống, hụi chết, H5 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 80.345.000 đồng.

65. Nguyễn Thị Hồng P2 (tên trong sổ hụi “C Bún”) tham gia các dây hụi 22, đã đóng hụi tổng cộng **6.720.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 3.360.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 3.360.000 đồng. Sau khi đối chiếu, P2 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 6.720.000 đồng.

66. Nguyễn Thị H6 (tên trong sổ hụi “Chị 2 Cọp”) tham gia các dây hụi 7, 27, đã đóng hụi tổng cộng **29.600.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 13.650.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 15.950.000 đồng. Sau khi đối chiếu, H6 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 29.600.000 đồng.

67. Nguyễn Thị Í (tên trong sổ hụi “Em D9”, “Bà 5”, “Tài”) tham gia các dây hụi 6, 21, 23, 25, 27, 30, đã đóng hụi tổng cộng **37.120.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 22.320.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 14.800.000 đồng. Sau khi đối chiếu, Í yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 37.120.000 đồng.

68. Nguyễn Thị L6 (tên trong sổ hụi “Út Dữ”, “Luyên”) tham gia các dây hụi 01, 2, 14, 15, 19, 20, 21, 26, 27 đã đóng hụi tổng cộng **73.590.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 45.390.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 28.200.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hụi sống, hụi chết, L6 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 59.720.000 đồng.

69. Nguyễn Thị L7 (tên trong sổ hụi “A Trung”) tham gia các dây hụi 27, đã đóng hụi tổng cộng **3.750.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 1.350.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.400.000 đồng. Bị cáo O đã trả số tiền hụi đã đóng cho L7. Liên không yêu cầu xử lý đối với bị cáo O.

70. Nguyễn Thị L8 (tên trong sổ hụi “Diệu”), tham gia các dây hụi 20, đã đóng hụi tổng cộng **4.480.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 1.680.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.800.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hụi sống, hụi chết, L8 còn thiếu bị cáo O 3.050.000 đồng. L8 và bị cáo O thống nhất khấu trừ số tiền này vào tiền bị cáo O thiếu hụi viên Võ Thị M14.

71. Nguyễn Thị M11 (tên trong sổ hụi “8 Mai”) tham gia các dây hụi 6, 30 đã đóng hụi tổng cộng **670.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 320.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 350.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hụi sống, hụi chết, M11 còn thiếu bị cáo O 3.410.000 đồng.

72. Nguyễn Thị M2 (tên trong sổ hội “A Phô”) tham gia các dây hội 16, 18, 19, 20, 21, 31 đã đóng hội tổng cộng **65.140.000 đồng**, trong đó bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 26.920.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 38.220.000 đồng. Sau khi đối chiếu, M2 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 65.140.000 đồng.

73. Nguyễn Thị M3 (tên trong sổ hội “Mợ Út”) tham gia các dây hội 7, 14, 19 đã đóng hội tổng cộng **29.760.000 đồng**, trong đó bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 14.880.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 14.880.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị cáo O trả Mến 2.000.000 đồng. Qua đối chiếu, Mến yêu C6 bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 27.760.000 đồng.

74. Nguyễn Thị Mỹ T18 (tên trong sổ hội “C Trang”) tham gia các dây hội 09, đã đóng hội tổng cộng **22.680.000 đồng**, trong đó bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 15.780.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 6.900.000 đồng. Sau khi đối chiếu, T18 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 22.680.000 đồng.

75. Nguyễn Thị N8 (tên trong sổ hội “5 Tài”) tham gia các dây hội 6, 29, 30 đã đóng hội tổng cộng **18.800.000 đồng**, trong đó bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 6.170.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 12.630.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, N8 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 12.420.000 đồng.

76. Nguyễn Thị Ngọc T42 (tên trong sổ hội “Tiền”) tham gia dây hội 24, đã đóng hội tổng cộng **2.940.000 đồng**, trong đó bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.310.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 630.000 đồng. Sau khi đối chiếu, T42 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 2.940.000 đồng.

77. Nguyễn Thị Ngọc T20 (tên trong sổ hội “Trinh”, “Hiền”) tham gia các dây hội 11, 16, 27 đã đóng hội tổng cộng **50.170.000 đồng**, trong đó bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 23.450.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 26.720.000 đồng. Sau khi đối chiếu, T20 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 50.170.000 đồng.

78. Nguyễn Thị N9 (tên trong sổ hội “Nhạn”) tham gia các dây hội 12, đã đóng hội tổng cộng **9.330.000 đồng**, trong đó bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 6.730.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.600.000 đồng. Sau khi đối chiếu, N9 yêu cầu Bị cáo O trả số tiền vốn 9.330.000 đồng.

79. Nguyễn Thị P3 (tên trong sổ hội “Cô 6”) tham gia các dây hội 16, đã đóng hội tổng cộng **12.400.000 đồng**, trong đó bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 6.450.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 5.950.000 đồng. Sau khi đối chiếu, P3 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 12.400.000 đồng.

80. Nguyễn Thị P4 (tên trong sổ hội “Mợ 10”, “Mợ Mười”) tham gia các dây hội 15, 24, 25, 29, đã đóng hội tổng cộng **50.230.000 đồng**, trong đó bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 27.830.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 22.400.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, P4 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 45.180.000 đồng.

81. Nguyễn Thị P2 (tên trong sổ hội “C Phượng”) tham gia các dây hội 22, 31, đã đóng hội tổng cộng **40.860.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 12.360.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 28.500.000 đồng. Sau khi đối chiếu, P2 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 40.860.000 đồng.

82. Nguyễn Thị P2 (tên trong sổ hội “C Phượng”) tham gia các dây hội 11, đã đóng hội tổng cộng **9.220.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.750.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 6.470.000 đồng. Sau khi vỡ hội, Bị cáo O đã trả P2 1.100.000 đồng. Sau khi đối chiếu, P2 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 8.120.000 đồng.

83. Nguyễn Thị R (tên trong sổ hội “Vi”, “Dì Thor”) tham gia các dây hội 1, 8, 25, 27 đã đóng hội tổng cộng **88.380.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 49.020.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 39.360.000 đồng. Sau khi đối chiếu, R yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 88.380.000 đồng.

84. Nguyễn Thị S1 (tên trong sổ hội “C Sự”) tham gia các dây hội 24, 31 đã đóng hội tổng cộng **2.940.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.310.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 630.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, S1 không yêu cầu bị cáo O trả tiền, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo O.

85. Nguyễn Thị T21 (tên trong sổ hội “Cô 3”, “Út Kì”) tham gia các dây hội 8, 9, 14 đã đóng hội tổng cộng **33.960.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 23.200.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 10.760.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, T21 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 25.100.000 đồng.

86. Nguyễn Thị T22 (tên trong sổ hội “Cô 6 T22”, “Cô 6 Th”) tham gia các dây hội 5, 14 đã đóng hội tổng cộng **28.030.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 13.250.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 14.780.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, T22 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 7.880.000 đồng.

87. Nguyễn Thị Thanh T23 (tên trong sổ hội “Thùy”) tham gia các dây hội 14, 26, 31 đã đóng hội tổng cộng **32.720.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 16.240.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 16.480.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, T23 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 29.065.000 đồng.

88. Nguyễn Thị T24 (tên trong sổ hội “5 Hân”) tham gia các dây hội 31, đã đóng hội tổng cộng **46.074.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 9.588.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 36.486.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, T24 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 45.189.000 đồng.

89. Nguyễn Thị T24 (tên trong sổ hội “Nghị”) tham gia các dây hội 22, đã đóng hội tổng cộng **3.360.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội

không, lấy hốt 1.680.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 1.680.000 đồng. Sau khi đối chiếu, T24 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 3.360.000 đồng.

90. Nguyễn Thị T17 (tên trong sổ hội “Thúy”) tham gia các dây hội 3, 23, 24 đã đóng hội tổng cộng **38.280.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 23.520.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 14.760.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, T17 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 30.780.000 đồng.

91. Nguyễn Thị Thúy A (tên trong sổ hội “Chú 3 Lực”) tham gia các dây hội 12, 16, đã đóng hội tổng cộng **21.730.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 13.180.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 8.550.000 đồng. Sau khi đối chiếu, A yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 21.730.000 đồng.

92. Nguyễn Thị T25 (tên trong sổ hội “A Kiệp”) tham gia các dây hội 23, 24 đã đóng hội tổng cộng **6.090.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 4.410.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 1.680.000 đồng. Sau khi đối chiếu, T25 yêu cầu Bị cáo O trả số tiền vốn 6.090.000 đồng.

93. Nguyễn Thị Trúc P5 (tên trong sổ hội “Phương”) tham gia các dây hội 15, 29 đã đóng hội tổng cộng **21.070.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 10.180.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 10.890.000 đồng. Sau khi đối chiếu, P5 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 21.070.000 đồng.

94. Nguyễn Thị Ú (tên trong sổ hội “Cô Ú”, “Quê”), tham gia các dây hội 9, 16, 18, 24 đã đóng hội tổng cộng **38.020.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 24.540.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 13.480.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, Ú yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 25.520.000 đồng.

95. Nguyễn Thị V (tên trong sổ hội “Dì Vân”, “Dì Tròn”) tham gia các dây hội 18, 23, 24, 31 đã đóng hội tổng cộng **97.030.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 37.270.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 59.760.000 đồng. Sau khi đối chiếu, V yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 97.030.000 đồng.

96. Nguyễn Thị V1 (tên trong sổ hội “Dì 2 Dện”, “Út Lượm”) tham gia các dây hội 5, 8, 9, 16 đã đóng hội tổng cộng **86.790.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 49.350.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 37.440.000 đồng. Sau khi đối chiếu, V1 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 86.790.000 đồng.

97. Nguyễn Thúy K3 (tên trong sổ hội “A C7”, “C Khanh”) tham gia các dây hội 14, 19 đã đóng hội tổng cộng **3.910.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.580.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 1.330.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, K3 còn thiếu lại bị cáo O 1.570.000 đồng.

98. Nguyễn Văn D6 (tên trong sổ hội “Út Đức”, “Út Dứt”) tham gia các dây hội 01, 23, 24 đã đóng hội tổng cộng **47.480.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 27.920.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 19.560.000 đồng. Sau khi đối chiếu, D6 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 47.480.000 đồng.

99. Nguyễn Văn Đ3 (tên trong sổ hội “8 Đậm”) tham gia các dây hội 03, 27 đã đóng hội tổng cộng **21.050.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 9.750.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 11.300.000 đồng. Sau khi đối chiếu, Đ3 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 21.050.000 đồng.

100. Nguyễn Văn G2 (tên trong sổ hội “A Gỡ”) tham gia các dây hội 26, đã đóng hội tổng cộng **10.400.000 đồng**, toàn bộ là tiền hội không, lấy hốt. Sau khi đối chiếu, G2 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 10.400.000 đồng.

101. Nguyễn Văn H7 (tên trong sổ hội “5 Hận”, “Nguyệt”) tham gia các dây hội 5, 16, đã đóng hội tổng cộng **11.350.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 6.450.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 4.900.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, H7 còn thiếu lại bị cáo O 9.100.000 đồng.

102. Nguyễn Văn H8 (tên trong sổ hội “A Hậu”) tham gia các dây hội 22, 31 đã đóng hội tổng cộng **8.226.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 1.692.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 6.534.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, H8 còn thiếu lại bị cáo O 1.134.000 đồng.

103. Nguyễn Văn H9 (tên trong sổ hội “4 Hoàng”) tham gia các dây hội 02, 6, 12, 20, 30 đã đóng hội tổng cộng **72.840.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 39.330.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 33.510.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, H9 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 51.890.000 đồng.

104. Nguyễn Văn M4 (tên trong sổ hội “6 Lý”) tham gia các dây hội 9, 23 đã đóng hội tổng cộng **28.980.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 19.980.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 9.000.000 đồng. Sau khi đối chiếu, M4 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 28.980.000 đồng.

105. Nguyễn Văn P6 (tên trong sổ hội “Phú”) tham gia các dây hội 8, đã đóng hội tổng cộng **11.280.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 7.420.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 3.860.000 đồng. Sau khi đối chiếu, P6 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 11.280.000 đồng.

106. Nguyễn Văn P7 (tên trong sổ hội “4 Thương”, “Vè”, “Cậu 4”) tham gia các dây hội 1, 2, 17, 27 đã đóng hội tổng cộng **39.050.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 20.450.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 18.600.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, khấu trừ tiền còn thiếu của hội viên Đặng Thị Tuyết V2, P7 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 26.780.000 đồng.

107. Phạm Thị Ánh H10 (tên trong sổ hội “Hồng”) tham gia các dây hội 23, 29 đã đóng hội tổng cộng **4.200.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.100.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.100.000 đồng. Sau khi đối chiếu, H10 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 4.200.000 đồng.

108. Phạm Thị Mỹ D7 (tên trong sổ hội “C Dung”) tham gia các dây hội 2, 9, 15, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 29, đã đóng hội tổng cộng **174.810.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 88.310.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 86.500.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị cáo O trả cho D7 5.000.000 đồng. Qua đối chiếu, D7 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 169.810.000 đồng.

109. Phạm Thị N10 (tên trong sổ hội “C Nhiều”) tham gia các dây hội 22, 29 đã đóng hội tổng cộng **12.180.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 5.040.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 7.140.000 đồng. Sau khi đối chiếu, N10 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 12.180.000 đồng.

110. Phạm Thị Q (tên trong sổ hội “C Huy”) tham gia các dây hội 15, đã đóng hội tổng cộng **20.020.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 10.180.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 9.840.000 đồng. Sau khi đối chiếu, Q yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 20.020.000 đồng.

111. Phạm Thị T1 (tên trong sổ hội “Mẹ”, “Beo”, “Giàu”, “Kha”) tham gia các dây hội 11, 13, 17, 23, 27, 31 đã đóng hội tổng cộng **42.620.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 27.150.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 15.470.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, T1 không yêu cầu bị cáo O trả lại tiền, không yêu cầu xử lý hình sự đối với Bị cáo O.

112. Phan Hồng N11 (tên trong sổ hội “Nhưng”, “Bác 2”) tham gia các dây hội 6, 15, 29 đã đóng hội tổng cộng **11.890.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 5.090.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 6.800.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết và khấu trừ tiền hội còn thiếu của hội viên Nguyễn Thị M10, N11 không yêu cầu bị cáo O trả số tiền còn lại, không yêu cầu xử lý hình sự đối với Bị cáo O.

113. Phan Thị Bé E1 (tên trong sổ hội “Dì 3 Cóc”, “C Cóc”) tham gia các dây hội 20, 23, 26, 31 đã đóng hội tổng cộng **31.950.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 17.000.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 14.950.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị cáo O trả cho Bé Em 2.000.000 đồng. Qua đối chiếu, Bé E1 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 29.950.000 đồng.

114. Phan Thị H11 (tên trong sổ hội “Út Hồng”) tham gia các dây hội 4, đã đóng hội tổng cộng **14.890.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 3.500.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 11.390.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị cáo O trả H11 1.000.000 đồng. Qua đối chiếu, H11 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 14.890.000 đồng.

115. Phan Thị M5 (tên trong sổ hội “Dì Thơ”, “3 Mực”, “Dạng”) tham gia các dây hội 8, 14, 18, 22, 23, 27, 30 đã đóng hội tổng cộng **7.570.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 3.770.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 3.800.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, M5 còn thiếu bị cáo O 16.270.000 đồng.

116. Phan Thị Mỹ C4 (tên trong sổ hội “C Châu”) tham gia các dây hội 02, 12, 17, 22, 25, đã đóng hội tổng cộng **8.600.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 6.000.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.600.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, C4 còn thiếu bị cáo O 5.490.000 đồng. Bị cáo O và C4 thống nhất khấu trừ số tiền này vào tiền đã đóng của hội viên Đào Thị Bích N3.

117. Phan Thị Ngọc H12 (tên trong sổ hội “C Hà”) tham gia các dây hội 15, đã đóng hội tổng cộng **10.010.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 5.090.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 4.920.000 đồng. Sau khi đối chiếu, H12 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 10.010.000 đồng.

118. Phan Thị P8 (tên trong sổ hội “Mẹ”) tham gia các dây hội 01, 02, 06, 14, 18, 19, 20, 28, đã đóng hội tổng cộng **89.070.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 40.020.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 49.050.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết và khấu trừ tiền hội còn thiếu của hội viên Trần Hữu H, P8 không yêu cầu bị cáo O trả số tiền còn lại, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo O.

119. Phan Kim S5 (tên trong sổ hội “H14”, “Út Hiếu”) tham gia các dây hội 13, 23, 24, đã đóng hội tổng cộng **31.230.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 25.070.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 6.160.000 đồng. Sau khi đối chiếu, S5 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn hội và tiền mua hội khác tổng cộng là 132.280.000 đồng.

120. Phan Thị S3 (tên trong sổ hội “C Xúc”) tham gia các dây hội 20, 21, 23, 26, đã đóng hội tổng cộng **27.550.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 23.200.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 4.350.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, S3 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 18.310.000 đồng.

121. Phan Thị Thanh X (tên trong sổ hội “Út Rô”) tham gia các dây hội 23, đã đóng hội tổng cộng **3.150.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.100.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 1.050.000 đồng. Sau khi đối chiếu, X yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 3.150.000 đồng.

122. Phan Thị Thùy T26 (tên trong sổ hội “C Trang”) tham gia các dây hội 22, đã đóng hội tổng cộng **3.360.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 1.680.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 1.680.000 đồng. Sau khi đối chiếu, T26 yêu cầu khấu trừ phần tiền này vào tiền hội viên Phan Thị T32 còn thiếu bị cáo O.

123. Phan Thị X1 (tên trong sổ hội “Dì S6”, “Dì 6”) tham gia các dây hội 7, 18, 19, 22 đã đóng hội tổng cộng **33.900.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O

chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 15.660.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 18.240.000 đồng. Sau khi vỡ hội, Bị cáo O trả cho X1 13.000.000 đồng. Qua đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, X1 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 11.860.000 đồng.

124. Trần Kim P9 (tên trong sổ hội “Tur Long”, “4 Long”) tham gia các dây hội 01, 18, đã đóng hội tổng cộng **29.350.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 9.850.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 19.500.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, P9 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 12.850.000 đồng.

125. Trần Ngọc A1 (tên trong sổ hội “An”) tham gia các dây hội 02, 27, đã đóng hội tổng cộng **3.750.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 1.350.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.400.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, A1 còn thiếu bị cáo O 4.190.000 đồng.

126. Trần Ngọc M6 (tên trong sổ hội “Dì M6”) tham gia các dây hội 7, đã đóng hội tổng cộng 25.850.000 đồng, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 12.300.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 13.550.000 đồng. Sau khi đối chiếu, M6 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 25.850.000 đồng.

127. Trần Thị H13 (tên trong sổ hội “Nguyên”) tham gia các dây hội 6, 9, 10, 15, 16, 30, đã đóng hội tổng cộng **92.260.000 đồng**, trong đó bị Bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 45.840.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 46.420.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, H13 không yêu cầu nhận lại tiền, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo O.

128. Trần Thị H14 (tên trong sổ hội “Út Đặng”) tham gia các dây hội 24, đã đóng hội tổng cộng **14.700.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 11.550.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 3.150.000 đồng. Sau khi vỡ hội, bị cáo O trả H14 4.700.000 đồng. Qua đối chiếu, H14 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại là 10.000.000 đồng.

129. Trần Thị H15 (tên trong sổ hội “Cô 2 Huệ”, “C 2 Huệ”, “H15”), tham gia các dây hội 5, 7, 20, 23, đã đóng hội tổng cộng **77.400.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 36.890.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 40.510.000 đồng. Sau khi đối chiếu, H15 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 77.400.000 đồng.

130. Trần Thị H16 (tên trong sổ hội “C Bắp”) tham gia các dây hội 14, đã đóng hội tổng cộng 11.390.000 đồng, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 2.920.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 8.470.000 đồng. Sau khi đối chiếu, H16 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 11.390.000 đồng.

131. Trần Thị L9 (tên trong sổ hội “Cô 3 L”, “3 Lan”) tham gia các dây hội 7, 23, 24, 29, đã đóng hội tổng cộng **46.220.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 25.530.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 20.690.000 đồng. Sau khi đối chiếu, L9 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 46.220.000 đồng.

132. Trần Thị L18 (tên trong sổ hội “8 Hoàng”, tham gia các dây hội 18, 19, 29, đã đóng hội tổng cộng **10.830.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 4.550.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 6.280.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội viên Phan Thị T32 còn thiếu, L18 yêu cầu bị cáo O trả lại số tiền vốn còn lại là 7.530.000 đồng.

133. Trần Thị M7 (tên trong sổ hội “Mệnh”, “5 Mệnh”) tham gia các dây hội 8, 24, đã đóng hội tổng cộng 11.280.000 đồng, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 7.420.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 3.860.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, M7 không yêu cầu bị cáo O trả lại tiền, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo O.

134. Trần Thị Mỹ T27 (tên trong sổ hội “C T27”, “Dung”) tham gia các dây hội 01, 05, 10, đã đóng hội tổng cộng **26.930.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 13.250.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 13.680.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, T27 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 25.560.000 đồng.

135. Trần Thị N12 (tên trong sổ hội “2 Xe Đẩy”) tham gia các dây hội 20, 30 đã đóng hội tổng cộng **670.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 320.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 350.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, N12 còn nợ bị cáo O 5.810.000 đồng.

136. Trần Thị P10 (tên trong sổ hội “4 P10”, “Tư Phượng”) tham gia các dây hội 20, 22, 24, 29 đã đóng hội tổng cộng **24.080.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 11.340.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 12.740.000 đồng. Sau khi đối chiếu, P10 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 24.080.000 đồng.

137. Trần Thị Q1 (tên trong sổ hội “C Quê”) tham gia các dây hội 11, đã đóng hội tổng cộng **9.330.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 6.730.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.600.000 đồng. Sau khi đối chiếu, Q1 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 9.330.000 đồng.

138. Trần Thị T28 (tên trong sổ hội “Út Gố”) tham gia các dây hội 04, 06, đã đóng hội tổng cộng **14.890.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 3.500.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 11.390.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, T28 yêu cầu bị cáo O trả số tiền 16.050.000 đồng.

139. Trần Văn K4 (tên trong sổ hội “Bác 4 Khoi”) tham gia các dây hội 07, đã đóng hội tổng cộng 25.850.000 đồng, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 12.300.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 13.550.000 đồng. Sau khi đối chiếu, K4 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 25.850.000 đồng.

140. Trần Văn M8 (tên trong sổ hội “C Huệ”) tham gia các dây hội 11, đã đóng hội tổng cộng **18.440.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 5.500.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 12.940.000 đồng. Sau

khi vỡ hụi, bị cáo O trả lại cho M8 1.600.000 đồng. Qua đối chiếu, M8 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 16.780.000 đồng.

141. Trịnh Thị N13 (tên trong sổ hụi “P10”, “Bác 5”) tham gia các dây hụi 6, 20, 24, 26, 30, đã đóng hụi tổng cộng **35.240.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 22.870.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 12.370.000 đồng. Sau khi vỡ hụi, bị cáo O trả cho Năm 2.240.000 đồng. Qua đối chiếu, N13 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 33.000.000 đồng.

142. Trịnh Thu C5 (tên trong sổ hụi “C Cúc”) tham gia các dây hụi 03, đã đóng hụi tổng cộng 17.300.000 đồng, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 8.400.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 8.900.000 đồng. Sau khi đối chiếu, C5 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 17.300.000 đồng.

143. Trương Thị X2 (tên trong sổ hụi “Lâm”) tham gia các dây hụi 14, 23, 31, đã đóng hụi tổng cộng **3.150.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 2.100.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 1.050.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hụi sống, hụi chết, X2 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn và lãi hụi là 1.765.000 đồng.

144. Trương Văn Q2 (tên trong sổ hụi “4 Quăn”) tham gia các dây hụi 14, 19, đã đóng hụi tổng cộng **15.090.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 5.500.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 9.590.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hụi sống, hụi chết, Q2 yêu cầu bị cáo O trả số tiền 17.160.000 đồng.

145. Văn Thị Ngọc T29 (tên trong sổ hụi “Tú Chi”, “Tú Em”) tham gia các dây hụi 23, đã đóng hụi tổng cộng **6.300.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 4.200.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.100.000 đồng. Sau khi đối chiếu, số tiền này khấu trừ hết vào tiền hụi viên Văn Thị Hồng T33 còn thiếu.

146. Võ Thị D8 (tên trong sổ hụi “C Chảo”) tham gia các dây hụi 13, đã đóng hụi tổng cộng 38.100.000 đồng, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 32.500.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 5.600.000 đồng. Sau khi đối chiếu, D8 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 38.100.000 đồng.

147. Võ Thị Đ4 (tên trong sổ hụi “7 Cường”) tham gia các dây hụi 13, 16, đã đóng hụi tổng cộng **30.400.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 22.700.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 7.700.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hụi sống, hụi chết, Đ4 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn còn lại 11.350.000 đồng.

148. Võ Thị H17 (tên trong sổ hụi “Cô T43”, “Cô 8”) tham gia các dây hụi 01, 13, đã đóng hụi tổng cộng 19.050.000 đồng, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hụi không, lấy hốt 16.250.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 2.800.000 đồng. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hụi sống, hụi chết, H17 không yêu cầu bị cáo O trả lại tiền, không yêu cầu xử lý hình sự đối với bị cáo O.

149. Võ Thị Kim H18 (tên trong sổ hội “7 Phú”, “Minh L17”, “Chị 7”, tham gia các dây hội 5, 7, 26, đã đóng hội tổng cộng **10.400.000 đồng**, toàn bộ là tiền hội không, lấy hốt. Sau khi đối chiếu, khấu trừ tiền hội sống, hội chết, H18 còn thiếu bị cáo O 15.570.000 đồng, số tiền này H18 sẽ trả cho hội viên Nguyễn Thị Bích T16.

150. Võ Thị M9 (tên trong sổ hội “Cô 5”, “T41”, “Duyên”) tham gia các dây hội 1, 13, 16, 18, 21, 22, 28 đã đóng hội tổng cộng **88.930.000 đồng**, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 54.750.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 34.180.000 đồng. Sau khi đối chiếu, M9 yêu cầu khấu trừ số tiền bị cáo O còn thiếu vào tiền hội viên Nguyễn Thị Bích D3 và Nguyễn Thị L8 còn thiếu bị cáo O, phần tiền còn lại M9 không yêu cầu Bị cáo O trả lại.

151. Võ Văn L10 (tên trong sổ hội “7 Sang”) tham gia các dây hội 3, 4, 6, 13, đã đóng hội tổng cộng 59.800.000 đồng, trong đó bị bị cáo O chiếm đoạt tiền hội không, lấy hốt 30.810.000 đồng và nợ trách nhiệm dân sự 28.990.000 đồng. Sau khi đối chiếu, L10 yêu cầu bị cáo O trả số tiền vốn 59.800.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khai:

Đặng Thị Tuyết V2 (tên trong sổ hội “Dì T21”) tham gia dây hội số 02, đã hốt hội còn phải đóng hội chết là 11.220.000 đồng. V2 và bị cáo O thỏa thuận cản trừ số tiền này vào tiền hội đã đóng của hội viên Nguyễn Thị D10.

Đỗ Thị O1 (tên trong sổ hội “C Oanh”) tham gia dây hội số 15, 31, đã hốt hội còn phải đóng hội chết là 5.530.000 đồng.

Hoa Thị G3 (tên trong sổ hội “C Điều”) tham gia dây hội số 18, đã hốt hội và châu đủ hội chết.

Huỳnh Thị Ngọc H19 (tên trong sổ hội “Út Thuốc”) tham gia các dây hội 18, 23, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 16.800.000 đồng. H19 và bị cáo O1 thỏa thuận cản trừ số tiền này vào tiền hội của hội viên Nguyễn Thị Diễm .

Huỳnh Thị Thúy P11 (tên trong sổ hội “Vợ Quẹo”) tham gia dây hội 31, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 2.910.000 đồng.

Lê Thị L11 (tên trong sổ hội “C Lệ khu hồ chuồng”) tham gia các dây hội 19, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 9.900.000 đồng.

Nguyễn Thị B8 (tên trong sổ hội “Dì 2”) tham gia các dây hội số 04, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 2.500.000 đồng.

Nguyễn Thị D9 (tên trong sổ hội “Nhưng”) tham gia dây hội số 1, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 38.150.000 đồng.

Nguyễn Thị Huệ E2 (tên trong sổ hội “C Thuận”), tham gia các dây hội 15, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 6.720.000 đồng. Huệ E2 và bị cáo O1 thỏa thuận khấu trừ số tiền Huệ E2 còn thiếu vào tiền bị cáo O1 còn thiếu Lương Thị T12.

Nguyễn Thị L12 (tên trong sổ hội “Bác 4”, “Bác Tu”) tham gia các dây hội 15, 23, 29, đã đóng hội 1.050.000 đồng là nợ dân sự. Sau khi khấu trừ tiền hội sống, hội chết, L12 còn nợ bị cáo O1 12.260.000 đồng.

Nguyễn Thị L13 (tên trong sổ hội “C Liềm”) tham gia các dây hội 11, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 8.960.000 đồng.

Nguyễn Thị L14 (tên trong sổ hội “C Dân”, “C Thăm”) tham gia các dây hội 01, 04, 10 đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 8.000.000 đồng.

Nguyễn Thị M10 (tên trong sổ hội “Mỹ”) tham gia các dây hội 31, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 2.600.000 đồng. M10 và Bị cáo O1 thỏa thuận số tiền này M10 sẽ trả cho hội viên Phan Hồng N11.

Nguyễn Thị Ngọc L15 (tên trong sổ hội “A Vũ”, tham gia các dây hội 14, 22, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 22.200.000 đồng.

Nguyễn Thị Tuyết M11 (tên trong sổ hội “C Mai”) tham gia các dây hội 4, 5, 7, 10, 16, 29, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 97.940.000 đồng.

Nguyễn Thị Thùy T30 (tên trong sổ hội “Vợ D11”) tham gia các dây hội 01, 08, 09, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 70.600.000 đồng.

Nguyễn Thị Trà M12 (tên trong sổ hội “C Diên”) tham gia các dây hội 28, 31, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 42.250.000 đồng.

Nguyễn Thu T31 (tên trong sổ hội “C Thủy”) tham gia các dây hội 10, 15, đã hốt hội và đóng hội chết đủ.

Nguyễn Văn H20 (tên trong sổ hội “6 Hốt”) tham gia các dây hội 14, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 5.620.000 đồng.

Phạm Thị Đ5 (tên trong sổ hội “5 Đẹp”) tham gia các dây hội 3, đã hốt hội và đóng hội chết đủ.

Phan Thị M13 (tên trong sổ hội “C Mỹ”) tham gia các dây hội 04, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 7.160.000 đồng.

Phan Thị T32 (tên trong sổ hội “C Thúy”) tham gia các dây hội 20, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 6.660.000 đồng. T32 và Bị cáo O1 thỏa thuận T32 sẽ trả cho hội viên Phan Thị Thùy T26 và Trần Thị Ngọc L18.

Trần Thị Còn L16 (tên trong sổ hội “C Còn”) tham gia các dây hội 04, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 9.560.000 đồng.

Trần Thị H15 (tên trong sổ hội “Thăm”, “A An”) tham gia các dây hội 03, 14, đã hốt hội và đóng hội chết đủ.

Văn Thị Hồng T33 (tên trong sổ hội “Tú Chì”) tham gia dây hội 15, đã hốt hội và đóng hội chết đủ.

Võ Thị H17 (tên trong sổ hội “7 Trạng”) tham gia dây hội 04, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 1.350.000 đồng. H17 và bị cáo O1 thỏa thuận, H17 sẽ trả cho hội viên Châu Tiết T3.

Võ Thị T34 (tên trong sổ hội “8 Cá”) tham gia các dây hội 3, 14, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 14.440.000 đồng.

Trần Hữu H (tên trong sổ hội “Hiệp”, là chồng bị cáo B1 cáo O1). H biết B1 cáo O1 có tổ chức nhiều dây hội cho nhiều người tham gia nhưng không tham gia giúp sức cho bị cáo O1, H không biết bị cáo O1 đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của các hội viên. H có tham gia các dây hội 14, 18, 25, đã hốt hội, còn phải đóng hội chết là 24.600.000 đồng. H và bị cáo O1 thỏa thuận số tiền này đã khấu trừ vào tiền đóng hội của hội viên Phan Thị P8. Ngoài ra, H và bị cáo O1 đang cùng sở hữu mảnh đất ruộng hơn 3.000m² ở xã T, thị xã T.

Quá trình điều tra, bị cáo Võ Thị Kiều O khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Đối với số tiền chiếm đoạt của hội viên, bị cáo O dùng để trả cho những người đã hốt hội ở các dây hội trước, trả lãi cho các phần hội ghi không tên và tiêu xài cá nhân.

Tại Cáo trạng số: 31/CT-VKSAG-P2 ngày 12/3/2025, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang đã truy tố Võ Thị Kiều O về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Võ Thị Kiều O khai nhận hành vi phạm tội của mình và đồng ý bồi thường theo yêu cầu của các bị hại như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Các bị hại có mặt tại phiên tòa giữ lời khai giai đoạn điều tra và yêu cầu bị cáo O bồi thường trách nhiệm dân sự như Cáo trạng đã nêu.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt tại phiên tòa có lời khai phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Võ Thị Kiều O từ 14 năm đến 16 năm tù;

Áp dụng Điều 47, Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

Về trách nhiệm dân sự, buộc bị cáo O bồi thường cho các bị hại:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Võ Thị Kiều O có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại: Bùi Thị Bé Ba số tiền 7.300.000đ; Bùi Văn G số tiền 32.030.000đ; Châu Bích L số tiền 32.710.000đ; Châu Tiết T3 số tiền 13.250.000đ; Châu Thị T4 số tiền 5.020.000đ; Châu Văn L1 số tiền 4.090.000đ; Chu Thị Lê N1 số tiền

33.350.000đ; Dương Thị K số tiền 16.290.000đ; Đào Ngọc Bích P số tiền 12.300.000đ; Đào Thị C1 số tiền 36.840.000đ; Đào Thị Kim T5 số tiền 53.785.000đ; Đào Thị N4 số tiền 20.700.000đ; Đào Văn T6 số tiền 7.420.000đ; Đoàn Thị M số tiền 16.800.000đ; Đỗ Thị Đ số tiền 64.060.000đ; Đỗ Văn Á số tiền 28.950.000đ; Đỗ Văn T7 số tiền 3.640.000đ ; Hồ Thị L2 số tiền 1.550.000đ; Hồ Thị Mỹ L3 số tiền 2.820.000đ; Hồ Thị T8 số tiền 4.460.000đ; Hồ Thị T9 số tiền vốn 8.750.000đ ; Hồ Thị Vĩnh B2 số tiền vốn 2.920.000đ; Huỳnh Thị H1 số tiền 58.350.000đ; Huỳnh Thị Mỹ L4 số tiền 62.040.000đ; Huỳnh Thị Mỹ L5; số tiền 5.090.000đ; Huỳnh Thị N5 số tiền 19.100.000đ; Lâm Văn P1 số tiền 8.400.000đ; Lê Thị Huệ T10 số tiền 1.680.000đ; Lê Thị Mỹ H2 số tiền 3.360.000đ; Lê Thị N6 số tiền 32.860.000đ; Lê Văn Đ1 số tiền 5.640.000đ; Lê Văn N7 số tiền 28.090.000đ; Lương Thị K2 số tiền 7.420.000đ; Lương Thị T12 số tiền là 35.640.000đ; Ngô Thị T13 số tiền 72.870.000đ; Nguyễn Hoàng T14 số tiền 18.750.000đ; Nguyễn Kim H3 số tiền 53.080.000đ; Nguyễn Thanh T15 số tiền 47.250.000đ; Nguyễn Thị B5 số tiền 3.500.000đ; Nguyễn Thị B6 số tiền 13.890.000đ; Nguyễn Thị Bích T16 số tiền 20.510.000đ; Nguyễn Thị B7; Nguyễn Thị C3 số tiền 4.060.000đ; Nguyễn Thị D4 số tiền 3.220.000đ; Nguyễn Thị Diễm T17 số tiền 2.310.000đ; Nguyễn Thị D5 số tiền 8.140.000đ; Nguyễn Thị Đ2 số tiền 15.320.000đ; Nguyễn Thị H4 số tiền 6.730.000đ; Nguyễn Thị H5 số tiền 32.410.000đ; Nguyễn Thị Hồng P2 số tiền 3.360.000đ; Nguyễn Thị H6 số tiền 13.650.000đ; Nguyễn Thị Í số tiền 22.320.000đ; Nguyễn Thị L6 (sinh năm 1971) số tiền 45.390.000đ; Nguyễn Thị Mẫu số tiền 26.920.000đ; Nguyễn Thị M3 số tiền 14.880.000đ; Nguyễn Thị Mỹ T18 số tiền 15.780.000đ; Nguyễn Thị N8 số tiền 6.170.000đ; Nguyễn Thị Ngọc T42 số tiền 2.310.000đ; Nguyễn Thị Ngọc T20 số tiền 23.450.000đ; Nguyễn Thị N9 số tiền 6.730.000đ; Nguyễn Thị P3 số tiền 6.450.000đ; Nguyễn Thị P4 số tiền 27.830.000đ; Nguyễn Thị P2 (sinh năm 1977) số tiền 2.750.000đ; Nguyễn Thị P2 (sinh năm 1985); Nguyễn Thị R số tiền 49.020.000đ ; Nguyễn Thị T21 số tiền 23.200.000đ; Nguyễn Thị T22 số tiền 7.880.000đ; Nguyễn Thị Thanh T23 số tiền 16.240.000đ; Nguyễn Thị T24 (sinh năm 1963) số tiền 9.588.000đ; Nguyễn Thị T24 (sinh năm 2000) số tiền 1.680.000đ; Nguyễn Thị T17 số tiền 23.250.000đ; Nguyễn Thị Thúy A số tiền 13.180.000đ; Nguyễn Thị T25 số tiền 4.410.000đ; Nguyễn Thị Trúc P5 số tiền 10.180.000đ; Nguyễn Thị Ú (sinh năm 1963) số tiền 24.540.000đ; Nguyễn Thị V số tiền 37.270.000đ; Nguyễn Thị V1 số tiền 49.350.000đ; Nguyễn Văn D6 số tiền 27.920.000đ; Nguyễn Văn Đ3 số tiền 9.750.000đ; Nguyễn Văn G2 số tiền 10.400.000đ; Nguyễn Văn H9 số tiền 39.330.000đ; Nguyễn Văn M4 số tiền 19.980.000đ; Nguyễn Văn P6 số tiền 7.420.000đ; Nguyễn Văn P7 số tiền 20.450.000đ; Phạm Thị Ánh H10 số tiền 2.100.000đ; Phạm Thị Mỹ D7 số tiền 88.310.000đ; Phạm Thị N10 số tiền 5.040.000đ; Phạm Thị Q số tiền 10.180.000đ; Phan Thị Bé E1 số tiền 17.000.000đ; Phan Thị H11 số tiền 3.500.000đ; Phan Thị Ngọc H12 số tiền vốn 5.090.000đ; Phan Kim S5 số tiền 25.070.000đ; Phan Thị S3 số tiền 18.310.000đ; Phan Thị Thanh X số tiền 2.100.000đ; Phan Thị X1 số tiền 11.860.000đ; Trần Kim P9 số tiền 9.850.000đ; Trần Ngọc M6 số tiền 12.300.000đ; Trần Thị H14 số tiền 10.000.000đ; Trần Thị H15 (sinh năm 1971) số tiền 36.890.000đ; Trần

Thị H16 số tiền 2.920.000đ; Trần Thị L9 số tiền 25.530.000đ; Trần Thị L18 số tiền 4.550.000đ; Trần Thị Mỹ T27 số tiền 13.250.000đ; Trần Thị P10 số tiền 11.340.000đ; Trần Thị Q1 số tiền 6.730.000đ; Trần Thị T28 số tiền 3.500.000đ; Trần Văn K4 số tiền 12.300.000đ; Trần Văn M8 số tiền 5.500.000đ; Trịnh Thị N13 số tiền 22.870.000đ; Trịnh Thu C5 số tiền 8.400.000đ; Trương Thị X2 số tiền là 1.765.000đ; Trương Văn Q2 số tiền 5.500.000đ; Võ Thị D8 số tiền 32.500.000đ; Võ Thị Đ4 số tiền 11.350.000đ; Võ Thị H17 (sinh năm 1976) số tiền 16.250.000đ và Võ Văn L10 số tiền 30.810.000đ.

Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Kiều O trình bày: Thống nhất về tội danh, điều, điểm và khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề Hội đồng xét xử có xem xét về tính tiết tể nặng trách nhiệm hình sự do Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phạm tội có tính chất chuyên nghiệp theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52, bởi vì: Tại phiên tòa bị cáo cũng đã khai nhận công việc chủ yếu của bị cáo hằng ngày làm làm thuê, việc bị cáo mở các dây hụi là để có thêm thu nhập chứ không phải dùng tiền hưởng lợi từ các dây hụi làm nguồn thu nhập chính. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ số tiền đã khắc phục hậu quả đối với từng người được cộng chung là 94.900.000 đồng; không buộc hoàn trả cho 28 người bị hại không yêu cầu hoàn trả với số tiền 295.632.000 đồng; xem xét miễn án phí đối với bị cáo do hoàn cảnh hiện nay bị cáo có nhiều khó khăn, bị cáo đã bị tạm giam một thời gian dài không còn thu nhập và bị cáo cũng có đơn xin được miễn án phí.

Bị cáo Võ Thị Kiều O không bào chữa hoặc tranh luận gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thống nhất quan điểm của Viện kiểm sát. Không tranh luận hay trình bày bổ sung gì thêm.

Trong phần đối đáp một lần nữa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang vẫn giữ nguyên quan điểm như đã đề nghị tại bản luận tội nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

- Tại phiên tòa một số người bị hại, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ. Xét

thấy, sự vắng mặt của họ không gây trở ngại đến việc xét xử của vụ án. Căn cứ Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Từ tháng 02/2020 đến tháng 3/2022, bị cáo O không còn khả năng duy trì các dây hội, nhưng vẫn tổ chức 31 dây hội định kỳ mỗi ngày, 07 ngày, 15 ngày, 01 tháng khai 01 lần với giá trị hội tháng từ 1.000.000đồng/phần đến 5.000.000đồng/phần, hội nửa tháng 500.000đồng/phần, hội tuần 300.000đồng/phần và hội ngày 50.000 đồng/phần cho 210 hội viên tham gia, rồi thực hiện hành vi gian dối, tự ý ghi khống tên 226 phần hội, đã hốt 169 phần được 1.640.490.000 đồng và tự ý lấy tên của các hội viên hốt 134 phần hội được 889.210.000 đồng. Sau khi khấu trừ nghĩa vụ châu hội sống, hội chết và đóng lãi hội cho các hội viên thực hốt, thì bị cáo O còn chiếm đoạt tiền vốn thực châu của 151 bị hại (hội viên) số tiền 2.479.350.000 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Võ Thị Kiều O đã phạm và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Tội phạm và hình phạt đối với bị cáo Võ Thị Kiều O được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 175 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) có khung hình phạt tù từ 12 năm đến 20 năm hoặc chung thân (Tội phạm đặc biệt nghiêm trọng).

[3] Bị cáo O là người đã trưởng thành có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo có khả năng lao động, có thu nhập ổn định từ việc hưởng huê hồng từ các dây hội do bị cáo làm chủ. Lẽ ra, bị cáo phải tích cực lao động để tạo thu nhập, chi phí cho bản thân và phụ giúp gia đình. Ngược lại, do thiếu nợ hội nhiều người bị cáo lợi dụng sự tin tưởng của người khác để chiếm đoạt tài sản một cách trái pháp luật. Tài sản của bị hại thuộc quyền sở hữu của họ, bất kỳ ai xâm hại sẽ bị xử lý theo pháp luật.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi của bị cáo O là nguy hiểm cho xã hội, việc chiếm đoạt số tiền hội của bị cáo đã làm cho một số hội viên ở địa phương rơi vào hoàn cảnh khó khăn, gây bức xúc cho quần chúng nhân dân và dư luận lớn tại địa phương. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân lương thiện, tôn trọng pháp luật. Đồng thời cũng tăng tính răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Võ Thị Kiều O thực hiện hành vi phạm tội liên tục với thủ đoạn chuyên nghiệp, số tiền lừa đảo chiếm đoạt được là nguồn thu nhập chính và thực hiện tội phạm nhiều lần nên bị cáo phải chịu tình tiết “phạm tội có tính chất chuyên nghiệp” và “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã thành khẩn khai báo và thực sự ăn năn hối cải; bị cáo và một số bị hại đã khấu trừ trách nhiệm dân sự, không yêu cầu bị cáo O trả tiền nợ hui. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét thấy, hành vi của các bị cáo thể hiện tinh thần xem thường pháp luật, cố ý thực hiện hành vi lừa đảo đối với nhiều người trong một thời gian dài làm quần chúng nhân dân lên án và bất bình. Với số tiền chiếm đoạt của bị hại lớn, nhưng bị cáo lại không khắc phục được một phần hậu quả nào cho bị hại, gây cho các bị hại nhiều khó khăn, đau khổ trong cuộc sống kinh tế hàng ngày, đồng thời những bị hại cũng có yêu cầu bị cáo O trả tiền nợ hui nên Hội đồng xét xử không chấp nhận đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử, áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo O theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự thì “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*” do bị cáo không thu nhập ổn định, hoàn cảnh gia đình hiện khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt của những người bị hại, trong quá trình điều tra bị cáo cũng đã khắc phục trả lại một số tiền cho các bị hại (hui viên), danh sách còn nợ lại đã được cơ quan điều tra đối chiếu giữa bị cáo và các bị hại, do đó cần phải khấu trừ lại số tiền bị cáo đã khắc phục trước đó cho các bị hại. Số tiền bị cáo còn lại cần buộc bị cáo bồi thường lại cho những người bị hại, cụ thể: Buộc bị cáo Võ Thị Kiều O bồi thường cho: Bùi Thị Bé Ba số tiền 7.300.000đ; Bùi Văn G số tiền 32.030.000đ; Châu Bích L số tiền 32.710.000đ; Châu Tiết T3 số tiền 13.250.000đ; Châu Thị T4 số tiền 5.020.000đ; Châu Văn L1 số tiền 4.090.000đ; Chu Thị Lê N1 số tiền 33.350.000đ; Dương Thị K số tiền 16.290.000đ; Đào Ngọc Bích P số tiền 12.300.000đ; Đào Thị C1 số tiền 36.840.000đ; Đào Thị Kim T5 số tiền 53.785.000đ; Đào Thị N4 số tiền 20.700.000đ; Đào Văn T6 số tiền 7.420.000đ; Đoàn Thị M số tiền 16.800.000đ; Đỗ Thị Đ số tiền 64.060.000đ; Đỗ Văn Á số tiền 28.950.000đ; Đỗ Văn T7 số tiền 3.640.000đ ; Hồ Thị L2 số tiền 1.550.000đ; Hồ Thị Mỹ L3 số tiền 2.820.000đ; Hồ Thị T8 số tiền 4.460.000đ; Hồ Thị T9 số tiền vốn 8.750.000đ ; Hồ Thị Vĩnh B2 số tiền vốn 2.920.000đ; Huỳnh Thị H1 số tiền 58.350.000đ;

Huỳnh Thị Mỹ L4 số tiền 62.040.000đ; Huỳnh Thị Mỹ L5; số tiền 5.090.000đ; Huỳnh Thị N5 số tiền 19.100.000đ; Lâm Văn P1 số tiền 8.400.000đ; Lê Thị Huệ T10 số tiền 1.680.000đ; Lê Thị Mỹ H2 số tiền 3.360.000đ; Lê Thị N6 số tiền 32.860.000đ; Lê Văn Đ1 số tiền 5.640.000đ; Lê Văn N7 số tiền 28.090.000đ; Lương Thị K2 số tiền 7.420.000đ; Lương Thị T12 số tiền là 35.640.000đ; Ngô Thị T13 số tiền 72.870.000đ; Nguyễn Hoàng T14 số tiền 18.750.000đ; Nguyễn Kim H3 số tiền 53.080.000đ; Nguyễn Thanh T15 số tiền 47.250.000đ; Nguyễn Thị B5 số tiền 3.500.000đ; Nguyễn Thị B6 số tiền 13.890.000đ; Nguyễn Thị Bích T16 số tiền 20.510.000đ; Nguyễn Thị B7; Nguyễn Thị C3 số tiền 4.060.000đ; Nguyễn Thị D4 số tiền 3.220.000đ; Nguyễn Thị Diễm T17 số tiền 2.310.000đ; Nguyễn Thị D5 số tiền 8.140.000đ; Nguyễn Thị Đ2 số tiền 15.320.000đ; Nguyễn Thị H4 số tiền 6.730.000đ; Nguyễn Thị H5 số tiền 32.410.000đ; Nguyễn Thị Hồng P2 số tiền 3.360.000đ; Nguyễn Thị H6 số tiền 13.650.000đ; Nguyễn Thị Í số tiền 22.320.000đ; Nguyễn Thị L6 (sinh năm 1971) số tiền 45.390.000đ; Nguyễn Thị Mẫu số tiền 26.920.000đ; Nguyễn Thị M3 số tiền 14.880.000đ; Nguyễn Thị Mỹ T18 số tiền 15.780.000đ; Nguyễn Thị N8 số tiền 6.170.000đ; Nguyễn Thị Ngọc T42 số tiền 2.310.000đ; Nguyễn Thị Ngọc T20 số tiền 23.450.000đ; Nguyễn Thị N9 số tiền 6.730.000đ; Nguyễn Thị P3 số tiền 6.450.000đ; Nguyễn Thị P4 số tiền 27.830.000đ; Nguyễn Thị P2 (sinh năm 1977) số tiền 2.750.000đ; Nguyễn Thị P2 (sinh năm 1985); Nguyễn Thị R số tiền 49.020.000đ; Nguyễn Thị T21 số tiền 23.200.000đ; Nguyễn Thị T22 số tiền 7.880.000đ; Nguyễn Thị Thanh T23 số tiền 16.240.000đ; Nguyễn Thị T24 (sinh năm 1963) số tiền 9.588.000đ; Nguyễn Thị T24 (sinh năm 2000) số tiền 1.680.000đ; Nguyễn Thị T17 số tiền 23.250.000đ; Nguyễn Thị Thúy A số tiền 13.180.000đ; Nguyễn Thị T25 số tiền 4.410.000đ; Nguyễn Thị Trúc P5 số tiền 10.180.000đ; Nguyễn Thị Ú (sinh năm 1963) số tiền 24.540.000đ; Nguyễn Thị V số tiền 37.270.000đ; Nguyễn Thị V1 số tiền 49.350.000đ; Nguyễn Văn D6 số tiền 27.920.000đ; Nguyễn Văn Đ3 số tiền 9.750.000đ; Nguyễn Văn G2 số tiền 10.400.000đ; Nguyễn Văn H9 số tiền 39.330.000đ; Nguyễn Văn M4 số tiền 19.980.000đ; Nguyễn Văn P6 số tiền 7.420.000đ; Nguyễn Văn P7 số tiền 20.450.000đ; Phạm Thị Ánh H10 số tiền 2.100.000đ; Phạm Thị Mỹ D7 số tiền 88.310.000đ; Phạm Thị N10 số tiền 5.040.000đ; Phạm Thị Q số tiền 10.180.000đ; Phan Thị Bé E1 số tiền 17.000.000đ; Phan Thị H11 số tiền 3.500.000đ; Phan Thị Ngọc H12 số tiền vốn 5.090.000đ; Phan Kim S5 số tiền 25.070.000đ; Phan Thị S3 số tiền 18.310.000đ; Phan Thị Thanh X số tiền 2.100.000đ; Phan Thị X1 số tiền 11.860.000đ; Trần Kim P9 số tiền 9.850.000đ; Trần Ngọc M6 số tiền 12.300.000đ; Trần Thị H14 số tiền 10.000.000đ; Trần Thị H15 (sinh năm 1971) số tiền 36.890.000đ; Trần Thị H16 số tiền 2.920.000đ; Trần Thị L9 số tiền 25.530.000đ; Trần Thị L18 số tiền 4.550.000đ; Trần Thị Mỹ T27 số tiền 13.250.000đ; Trần Thị P10 số tiền 11.340.000đ; Trần Thị Q1 số tiền 6.730.000đ; Trần Thị T28 số tiền 3.500.000đ; Trần Văn K4 số tiền 12.300.000đ; Trần Văn M8 số tiền 5.500.000đ; Trịnh Thị N13 số tiền 22.870.000đ; Trịnh Thu C5 số tiền 8.400.000đ; Trương Thị X2 số tiền là 1.765.000đ; Trương Văn Q2 số tiền 5.500.000đ; Võ Thị D8 số tiền 32.500.000đ;

Võ Thị Đ4 số tiền 11.350.000đ; Võ Thị H17 (sinh năm 1976) số tiền 16.250.000đ và Võ Văn L10 số tiền 30.810.000đ.

[7] Đối với:

- Đào Văn Đ8, Hà Thị T44, Lê Thị T45, Nguyễn Thị Đ9, Nguyễn Thị G5, Nguyễn Thị X3, Nguyễn Văn L19, Trần Ngọc P13, Trần Thị L20 và Trương Thị L21 có tham gia trong 31 dây hui do bị cáo O tổ chức. Qua đối chiếu, xác định O còn nợ tiền hui của Đ9 3.910.000 đồng, T44 5.880.000 đồng, T45 8.610.000 đồng, Thị Đ9 19.050.000 đồng, G5 3.360.000 đồng, L21 6.500.000 đồng, X3 10.670.000 đồng, L19 10.670.000 đồng, P13 3.750.000 đồng, L20 5.500.000 đồng và L21 9.220.000 đồng. Nhưng hiện nay, Đ9, T44, T45, Thị Đ9, G5, X3, L19, P13, L20 và L21 không có mặt tại địa phương, nên Cơ quan điều tra chưa có điều kiện xác minh, làm rõ đề quy kết trách nhiệm hình sự đối với O về số tiền chiếm đoạt của những người này là phù hợp.

- Số tiền 2.171.545.000 đồng phát sinh từ việc bị cáo O trực tiếp tham gia góp hui, đã hốt 87 phần; hui viên tham gia góp hui, đã hốt 42 phần, thỏa thuận lãi suất góp hui và nợ khác; trong đó các hui viên đã hốt phải trả lại cho bị cáo O 1.433.695.000 đồng để thực hiện việc hoàn trả lại cho các hui viên chưa hốt, Cơ quan điều tra đã làm việc được 28 người với tổng số tiền 397.850.000 đồng phần tiền mà bị cáo O đóng bù cho hui viên. Xét thấy, đây là giao dịch dân sự giữa bị cáo O và những hui viên, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an tỉnh A không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo O về số tiền này là có căn cứ và đề nghị xem xét giải quyết theo trình tự tố tụng dân sự khi các hui viên có yêu cầu khởi kiện tại Tòa án là phù hợp.

- Đối với các bị hại khác, không yêu cầu bị cáo O bồi thường trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về các vấn đề khác: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự trong hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Thị Kiều O phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm b, g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Võ Thị Kiều O 14 (Mười bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 16/12/2024).

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Buộc bị cáo Võ Thị Kiều O có trách nhiệm bồi thường cho các bị hại:

1. Bùi Thị Bé Ba số tiền 7.300.000đ (Bảy triệu ba trăm nghìn đồng).

2. Bùi Văn G số tiền 32.030.000đ (Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi nghìn đồng).
3. Châu Bích L số tiền 32.710.000đ (Ba mươi hai triệu bảy trăm mười nghìn đồng).
4. Châu Tiết T3 số tiền 13.250.000đ (Mười ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).
5. Châu Thị T4 số tiền 5.020.000đ (Năm triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).
6. Châu Văn L1 số tiền 4.090.000đ (bốn triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).
7. Chu Thị Lê N1 số tiền 33.350.000đ (Ba mươi ba triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)
8. Dương Thị K số tiền 16.290.000đ (Mười sáu triệu hai trăm chín mươi nghìn đồng).
9. Đào Ngọc B10 P10 số tiền 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng)
10. Đào Thị C1 số tiền 36.840.000đ (Ba mươi sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)
11. Đào Thị Kim T5 số tiền 53.785.000đ (năm mươi ba triệu bảy trăm tám mươi lăm nghìn đồng).
12. Đào Thị N4 số tiền 20.700.000đ (Hai mươi triệu bảy trăm nghìn đồng).
13. Đào Văn T6 số tiền 7.420.000đ (Bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng)
14. Đoàn Thị M số tiền 16.800.000đ (Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng).
15. Đỗ Thị Đ số tiền 64.060.000đ (Sáu mươi bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).
16. Đỗ Văn Á số tiền 28.950.000đ (Hai mươi tám triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng).
17. Đỗ Văn T7 số tiền 3.640.000đ (Ba triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).
18. Hồ Thị L2 số tiền 1.550.000đ (Một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).
19. Hồ Thị Mỹ L3 số tiền 2.820.000đ (Hai triệu tám trăm hai mươi nghìn đồng).
20. Hồ Thị T8 số tiền 4.460.000đ (Bốn triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng).

21. Hồ Thị T9 số tiền vốn 8.750.000đ (Tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).
22. Hồ Thị Vĩnh B2 số tiền vốn 2.920.000đ (Hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).
23. Huỳnh Thị H1 số tiền 58.350.000đ (Năm mươi tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).
24. Huỳnh Thị Mỹ L4 số tiền 62.040.000đ (Sáu mươi hai triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).
25. Huỳnh Thị Mỹ L5 số tiền 5.090.000đ (Năm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).
26. Huỳnh Thị N5 số tiền 19.100.000đ (Mười chín triệu một trăm nghìn đồng).
27. Lâm Văn P1 số tiền 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng).
28. Lê Thị Huệ T10 số tiền 1.680.000đ (Một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).
29. Lê Thị Mỹ H2 số tiền 3.360.000đ (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).
30. Lê Thị N6 số tiền 32.860.000đ (Ba mươi hai triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).
31. Lê Văn Đ1 số tiền 5.640.000đ (Năm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).
32. Lê Văn N7 số tiền 28.090.000đ (Hai mươi tám triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).
33. Lương Thị K2 số tiền 7.420.000đ (Bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).
34. Lương Thị T12 số tiền là 35.640.000đ (Ba mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).
35. Ngô Thị T13 số tiền 72.870.000đ (Bảy mươi hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng)
36. Nguyễn Hoàng T14 số tiền 18.750.000đ (Mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).
37. Nguyễn Kim H3 số tiền 53.080.000đ (năm mươi lăm triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).
38. Nguyễn Thanh T15 số tiền 47.250.000đ (Bốn mươi bảy triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).
39. Nguyễn Thị B5 số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).
40. Nguyễn Thị B6 số tiền 13.890.000đ (Mười ba triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

41. Nguyễn Thị Bích T16 số tiền 20.510.000đ (Hai mươi triệu năm trăm mười nghìn đồng).
42. Nguyễn Thị B7 số tiền 6.330.000 (sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).
43. Nguyễn Thị C3 số tiền 4.060.000đ (Bốn triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng)
44. Nguyễn Thị D4 số tiền 3.220.000đ (ba triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).
45. Nguyễn Thị Diễm T17 số tiền 2.310.000đ (Hai triệu ba trăm mười nghìn đồng)
46. Nguyễn Thị D5 số tiền 8.140.000đ (tám triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).
47. Nguyễn Thị Đ2 số tiền 15.320.000đ (Mười lăm triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).
48. Nguyễn Thị H4 (sinh năm 1976) số tiền 6.730.000đ (Sáu triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).
49. Nguyễn Thị H5 số tiền 32.410.000đ (Ba mươi hai triệu bốn trăm mười nghìn đồng).
50. Nguyễn Thị Hồng P2 số tiền 3.360.000đ (Ba triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng)
51. Nguyễn Thị H6 số tiền 13.650.000đ (Mười ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).
52. Nguyễn Thị Í số tiền 22.320.000đ (Hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng).
53. Nguyễn Thị L6 (sinh năm 1971) số tiền 45.390.000đ (Bốn mươi lăm triệu ba trăm chín mươi nghìn đồng).
54. Nguyễn Thị Mẫu số tiền 26.920.000đ (Hai mươi sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).
55. Nguyễn Thị M3 số tiền 14.880.000đ (Mười bốn triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).
56. Nguyễn Thị Mỹ T18 số tiền 15.780.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm tám mươi nghìn đồng).
57. Nguyễn Thị N8 số tiền 6.170.000đ (Sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng)
58. Nguyễn Thị Ngọc T42 số tiền 2.310.000đ (Hai triệu ba trăm mười nghìn đồng).
59. Nguyễn Thị Ngọc T20 số tiền 23.450.000đ (Hai mươi ba triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

60. Nguyễn Thị N9 số tiền 6.730.000đ (Sáu triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).
61. Nguyễn Thị P3 số tiền 6.450.000đ (Sáu triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).
62. Nguyễn Thị P4 số tiền 27.830.000đ (Hai mươi bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).
63. Nguyễn Thị P2 (sinh năm 1977) số tiền 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).
64. Nguyễn Thị P2 (sinh năm 1985) số tiền 12.360.000đ (Mười hai triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng).
65. Nguyễn Thị R số tiền 49.020.000đ (Bốn mươi chín triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).
66. Nguyễn Thị T21 số tiền 23.200.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm nghìn đồng).
67. Nguyễn Thị T22 số tiền vốn 7.880.000đ (Bảy triệu tám trăm tám mươi nghìn đồng).
68. Nguyễn Thị Thanh T23 số tiền 16.240.000đ (Mười sáu triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).
69. Nguyễn Thị T24 (sinh năm 1963) số tiền 9.588.000đ (Chín triệu năm trăm tám mươi tám nghìn đồng).
70. Nguyễn Thị T24 (sinh năm 2000) số tiền 1.680.000đ (Một triệu sáu trăm tám mươi nghìn đồng).
71. Nguyễn Thị T17 số tiền 23.250.000đ (Hai mươi ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).
72. Nguyễn Thị Thúy A số tiền 13.180.000đ (Mười ba triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).
73. Nguyễn Thị T25 số tiền 4.410.000đ (Bốn triệu bốn trăm mười nghìn đồng).
74. Nguyễn Thị Trúc P5 số tiền 10.180.000đ (Mười triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).
75. Nguyễn Thị Ú (sinh năm 1963) số tiền 24.540.000đ (Hai mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng).
76. Nguyễn Thị V số tiền 37.270.000đ (Ba mươi bảy triệu hai trăm bảy mươi nghìn đồng).
77. Nguyễn Thị V1 số tiền 49.350.000đ (Bốn mươi chín triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).
78. Nguyễn Văn D6 số tiền 27.920.000đ (Hai mươi bảy triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

79. Nguyễn Văn Đ3 số tiền 9.750.000đ (Chín triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).
80. Nguyễn Văn G2 số tiền 10.400.000đ (mười triệu bốn trăm nghìn đồng).
81. Nguyễn Văn H9 số tiền 39.330.000đ (Ba mươi chín triệu ba trăm ba mươi nghìn đồng).
82. Nguyễn Văn M4 số tiền 19.980.000đ (Mười chín triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng).
83. Nguyễn Văn P6 số tiền 7.420.000đ (Bảy triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng).
84. Nguyễn Văn P7 số tiền 20.450.000đ (Hai mươi triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).
85. Phạm Thị Ánh H10 số tiền 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng).
86. Phạm Thị Mỹ D7 số tiền 88.310.000đ (T43 mười tám triệu ba trăm mười nghìn đồng).
87. Phạm Thị N10 số tiền 5.040.000đ (Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng).
88. Phạm Thị Q số tiền 10.180.000đ (Mười triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).
89. Phan Thị Bé E1 số tiền 17.000.000đ (Mười bảy triệu đồng).
90. Phan Thị H11 số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).
91. Phan Thị Ngọc H12 số tiền vốn 5.090.000đ (Năm triệu không trăm chín mươi nghìn đồng).
92. Phan Kim S5 số tiền 25.070.000đ (Hai mươi lăm triệu không trăm bảy mươi nghìn đồng).
93. Phan Thị S3 số tiền 18.310.000đ (mười tám triệu ba trăm mười nghìn đồng).
94. Phan Thị Thanh X số tiền 2.100.000đ (Hai triệu một trăm nghìn đồng).
95. Phan Thị X1 số tiền 11.860.000đ (mười một triệu tám trăm sáu mươi nghìn đồng).
96. Trần Kim P9 số tiền 9.850.000đ (Chín triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng).
97. Trần Ngọc M6 số tiền 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng).
98. Trần Thị H14 số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

99. Trần Thị H15 (sinh năm 1971) số tiền 36.890.000đ (Ba mươi sáu triệu tám trăm chín mươi nghìn đồng).

100. Trần Thị H16 số tiền 2.920.000đ (Hai triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

101. Trần Thị L9 số tiền 25.530.000đ (Hai mươi lăm triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

102. Trần Thị L18 số tiền 4.550.000đ (Bốn triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

103. Trần Thị Mỹ T27 số tiền 13.250.000đ (Mười ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

104. Trần Thị P10 số tiền 11.340.000đ (Mười một triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

105. Trần Thị Q1 số tiền 6.730.000đ (Sáu triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

106. Trần Thị T28 số tiền 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

107. Trần Văn K4 số tiền 12.300.000đ (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng).

108. Trần Văn M8 số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

109. Trịnh Thị N13 số tiền 22.870.000đ (Hai mươi hai triệu tám trăm bảy mươi nghìn đồng).

110. Trịnh Thu C5 số tiền 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

111. Trương Thị X2 số tiền là 1.765.000đ (một triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

112. Trương Văn Q2 số tiền 5.500.000đ (Năm triệu năm trăm nghìn đồng).

113. Võ Thị D8 số tiền 32.500.000đ (Ba mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng).

114. Võ Thị Đ4 số tiền 11.350.000đ (mười một triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

115. Võ Thị H17 (sinh năm 1976) số tiền 16.250.000đ (Mười sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

116. Võ Văn L10 số tiền 30.810.000đ (Ba mươi triệu tám trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án), bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của khoản tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân Sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Võ Thị Kim O2 phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 73.807.960đ (Bảy mươi ba triệu tám trăm lẻ bảy nghìn chín trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 74.007.960đ (Bảy mươi bốn triệu không trăm lẻ bảy nghìn chín trăm sáu mươi đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Cục thi hành án An Giang;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Tấn Tài